

Số: 198 /QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 25 tháng 04 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành kế hoạch đầu công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025
trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Căn cứ Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 3866/SKHĐT-GS ngày 18 tháng 12 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kế hoạch đầu công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 gồm những nội dung chính như sau:

1. Tổng nhu cầu vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 112.351,06 tỷ đồng, bao gồm:

a) Các dự án đầu tư công do tỉnh quản lý chuyển tiếp từ năm 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025 phải tiếp tục đầu tư là 19.497,5 tỷ đồng. Trong đó:

- Các dự án trọng điểm: 2.722 tỷ đồng.

- Các dự án hạ tầng kinh tế - xã hội còn lại: 16.775,5 tỷ đồng.

b) Các dự án mở mới khoảng 85.000 tỷ đồng, trong đó:

- Các dự án trọng điểm: 13.900 tỷ đồng.

- Các dự án hạ tầng kinh tế - xã hội còn lại: 71.100,0 tỷ đồng.
- c) Các chương trình đầu tư công: 7.853,56 tỷ đồng, trong đó:
 - Chương trình nông thôn mới: 2.968,0 tỷ đồng;
 - Chương trình chuyển đổi số, đô thị thông minh: 3.500,0 tỷ đồng;
 - Các chương trình, đề án nông nghiệp: 974,0 tỷ đồng.
 - Chương trình đầu tư phát triển hoàn thiện hệ thống kênh mương trên địa bàn huyện Xuyên Mộc và Châu Đức: 146,0 tỷ đồng.
 - Kế hoạch bảo đảm an sinh xã hội cho 03 xã tại huyện Xuyên Mộc: 265,56 tỷ đồng.

2. Nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025:

Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021 - 2025 là 59.043,34 tỷ đồng.

3. Cân đối vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025:

Cân đối vốn chi đầu tư phát triển trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 là 59.043,34 tỷ đồng, trong đó:

- a) Dự kiến chi mua sắm, sửa chữa tài sản, các quỹ... khoảng 4.000 tỷ đồng.
- b) Còn lại vốn đầu tư công là 55.043,34 tỷ đồng, phân bổ như sau:
 - Đầu tư các chương trình đầu tư công: 5.579,56 tỷ đồng.
 - Đầu tư dự án đầu tư công do tỉnh quyết định đầu tư: 37.643,78 tỷ đồng
 - Bổ sung cho ngân sách cấp huyện: 6.500,0 tỷ đồng.
 - Dự phòng 9,6%: 5.320,0 tỷ đồng.

(Chi tiết theo các Phụ biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Chủ đầu tư và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH *kh*



Nguyễn Văn Thọ



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Phụ biểu số 01

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số: *198* /QĐ-UBND ngày *25* tháng *01* năm 2021 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	KHOẢN MỤC	KH 2021-2025	GHI CHÚ
	<u>TỔNG SỐ</u>	<u>55.043,34</u>	
A	<u>Đầu tư các chương trình, đề án</u>	<u>5.579,56</u>	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	2.968,00	
2	Chương trình đầu tư phát triển hoàn thiện hệ thống kênh mương trên địa bàn huyện Xuyên Mộc và Châu Đức	146,00	TMĐT 282,074 tỷ đồng, đã phân bổ gđ 2019-2020 là 136,0 tỷ đồng
3	Kế hoạch bảo đảm an sinh xã hội cho 03 xã tại huyện Xuyên Mộc	265,56	TMĐT 324,0 tỷ đồng, đã phân bổ năm 2020 là 58,438 tỷ đồng
4	Chương trình đô thị thông minh	1.500,00	
5	Chương trình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	700,00	
B	<u>Đầu tư các dự án do tỉnh quyết định đầu tư</u>	<u>37.643,78</u>	
1	Các dự án hoàn thành và chuyển tiếp	19.307,50	
	<i>Trong đó</i>		
	<i>Dự án trọng điểm</i>	2.722,00	
	<i>Dự án hạ tầng giao thông kết nối quan trọng</i>	2.156,00	
	<i>Các dự án còn lại</i>	14.429,50	
2	Các dự án mở mới	18.224,28	
	<i>Trong đó</i>		
	<i>Dự án trọng điểm</i>	2.628,00	
	<i>Dự án hạ tầng giao thông kết nối quan trọng</i>	5.271,00	
	<i>Các dự án còn lại</i>	10.325,28	

3	Các dự án quy hoạch	112,00	
C	<u>Bổ sung vốn cho ngân sách cấp huyện theo tiêu chí, định mức</u>	<u>6.500,00</u>	
	<i>Trong đó</i>		
1	Thành phố Vũng Tàu	1.294,00	
2	Thành phố Bà Rịa	810,00	
3	Thị xã Phú Mỹ	969,00	
4	Huyện Châu Đức	1.096,00	
5	Huyện Xuyên Mộc	997,00	
6	Huyện Long Điền	589,00	
7	Huyện Đất Đỏ	584,00	
8	Huyện Côn Đảo	161,00	
D	<u>Dự phòng 9,6%</u>	<u>5.320,00</u>	





**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BA RIỆA - VŨNG TÀU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM

(Kèm theo Quyết định số: **198** /QĐ-UBND ngày **25** tháng **01** năm 2021 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm DA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
	TỔNG SỐ								5.350.000	4.472.000	720.000	
A	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP								2.722.000	2.722.000	0	
1	Đường 991B từ QL51 đến Hạ lưu cảng Cái Mép	BQLDA GT k/v cảng Cái Mép-Thị Vải	A	2540/QĐ-TTg- 3/8/2016	9,73 km	4.035.601	780.960	20.000	20.000	20.000		NSTW: 3.232.501 tỷ đồng; NSDP: 803.100 tỷ đồng
2	Đường Long Sơn-Cái Mép	BQLDA GT k/v cảng Cái Mép-Thị Vải	B	434/HĐND-VP- 30/10/2017	3,75 km	1.200.398	349.000	851.398	805.000	805.000		
3	Nạo vét cải tạo kênh Bến Đình	BQLDA chuyên ngành GT	B	12/NQ-HĐND- 26/3/2019	3,1km đường; 5,6 km kè; nạo vét 7,2 km kênh;	1.489.093	151.600	1.337.493	1.300.000	1.300.000		
4	Đường Chí Linh (Nguyễn Hữu Cánh) TPVT	UBND TP Vũng tàu	B		1.268 m	187.709	138.577	49.132	45.000	45.000		

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm DA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bố trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
5	Hạ tầng kỹ thuật khu TTCN Phước Thắng phục vụ di dời các cơ sở tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm trên địa bàn thành phố Vũng Tàu	UBND TP Vũng tàu	B	124/HĐND-VP-17/5/2017	39,56 ha; trong đó gđ 1 15,92 ha	542.839	370.516	172.323	172.000	172.000		
6	Công viên Bà Rịa giai đoạn 2	UBND TP Bà Rịa	B	443/HĐND-VP-25/10/2016; 79/HĐND-20/3/2018	31,5 ha	495.742	428.652	67.090	65.000	65.000		
7	Kè hai bờ sông Dinh đoạn từ Cầu Long Hương đến cầu Điện Biên Phủ	UBND TP Bà Rịa	B	40/NQ-HĐND-18/7/2019	542 m kè; 556,5m đường dọc kè	179.155	20.000	159.155	159.000	159.000		
8	Hàng rào bảo vệ rừng và đường tuần tra phòng cháy chữa cháy rừng phía Bắc quốc lộ 55 Khu Bảo tồn thiên nhiên Bình Châu-Phước Bửu	Khu BTTN Bình Châu-Phước Bửu	B	71/NQ-HĐND-12/9/2019	Hàng rào 41.149 m; đường tuần tra 22.400 m	151.402	40.000	111.402	111.000	111.000		
9	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư phục vụ di dời các hộ dân đang cư trú trong Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu-Phước Bửu	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT	B	55/NQ-HĐND-18/7/2019	10,9 ha; 118 hộ dân	75.252	30.000	45.252	45.000	45.000		
B	<u>DỰ ÁN MỞ MỚI</u>								<u>2.620.000</u>	<u>1.750.000</u>	<u>720.000</u>	



STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm DA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Luỹ kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bố trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bố trí vốn khi có đủ thủ tục	
1	Cầu Phước An, TX Phú Mỹ tỉnh BR-VT và huyện Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai	BQLDA GT k/v cảng Cái Mép-Thị Vải	A	35/NQ-HĐND-04/8/2020	Cầu 3.513,5m; đường 853m	4.879.000		4.879.000	1.400.000	1.400.000		NS tỉnh 2.879 tỷ đồng
2	HTKT khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Nạo vét kênh Bến Đình	UBND TP Vũng tàu			24,24ha	577.448			500.000		500.000	
3	Trung tâm kiểm tra hàng hóa chuyên ngành tập trung tại Cái Mép - Thị Vải	BQLDA Chuyên ngành DD và CN			2,5 ha	112.664			100.000		100.000	
4	Khu tái định cư Bàu Trũng TPVT	UBND TP Vũng tàu				560.000			120.000		120.000	
5	Đường quy hoạch số 12 thị trấn Long Hải huyện Long Điền (khu Bãi Ngang-Long Hải)	UBND H.Long điền	B	56/NQ-HĐND-04/8/2020	3.687 m	358.882			350.000	350.000		
6	Đường Nguyễn Hữu Cánh từ đường 3/2 đến Bãi tắm Chí Linh	UBND TP Vũng tàu			1078,03m	471.892			150.000			
C	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ								8.000	0	0	
1	Chỉnh trang trục đường Thùy Vân TP Vũng Tàu	UBND TP Vũng tàu			3,2 km	200.000		200.000	500			
2	Sân bay Gò Găng Tp. Vũng Tàu	BQLDA GT k/v cảng Cái Mép-Thị Vải			248,5 ha	9.863.000		9.863.000	5.500			
3	Công viên Bàu sen thành phố Vũng Tàu	UBND TP Vũng tàu			40,8 ha	500.000			2.000			



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ biểu số 03

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
CÁC DỰ ÁN HẠ TẦNG GIAO THÔNG KẾT NỐI

(Kèm theo Quyết định số: **198** /QĐ-UBND ngày **25** tháng **01** năm 2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm ĐA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
	TỔNG SỐ								7.427.000	2.156.000	5.270.000	
A	Dự án chuyển tiếp								2.156.000	2.156.000	0	
1	Dự án đường ĐT 992C (nay là tuyến đường Tỉnh lộ 997)	BQLDA chuyên ngành GT	B	84/NQ-HĐND- 25/10/2019	21,473 km	731.310	35.000	696.310	696.000	696.000		
2	Nâng cấp đường Tỉnh lộ 44B (đoạn từ ngã ba bầu Ông Dân đến Tỉnh lộ 52) thuộc địa phận huyện Long Điền và Đất Đỏ	BQLDA chuyên ngành GT	B	66/NQ-HĐND- 14/12/2018	8,6 km	423.643	26.200	397.443	397.000	397.000		
3	Đường Phước hoà-Cái mép	BQLDA GT k/v cảng Cái Mép-Thị Vải	B		4.438,78m	1.243.089	987.619	255.470	183.000	183.000		
4	Đường sau cảng Mỹ Xuân-Thị Vải	BQLDA GT k/v cảng Cái Mép-Thị Vải	B	433/HĐND-VP- 30/10/2017	2,9 km	406.698	169.500	237.198	230.000	230.000		
5	Đường Thống Nhất (nối dài) TPVT	UBND TP Vũng tàu	B	79/NQ-HĐND- 25/10/2019	1.825m	850.338	200.000	650.338	650.000	650.000		
B	Dự án mở mới								5.270.000		5.270.000	

1	Nâng cấp, cải tạo đường Láng Cát - Long Sơn (đường Hoàng Sa)	BQLDA chuyên ngành GT	B		4,0 km	475.141		475.141	200.000		200.000	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 4/8/2020 của HĐND Tỉnh cho phép chuẩn bị đầu tư
2	Nâng cấp, mở rộng Tỉnh lộ 328 (phần còn lại)	BQLDA chuyên ngành GT	B		12,0 km	485.000		485.000	250.000		250.000	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 4/8/2020 của HĐND Tỉnh cho phép chuẩn bị đầu tư
3	Nâng cấp, mở rộng Tỉnh lộ 329 (giai đoạn 2)	BQLDA chuyên ngành GT	B		14,1 km	364.573		364.573	250.000		250.000	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 4/8/2020 của HĐND Tỉnh cho phép chuẩn bị đầu tư
4	Nâng cấp tuyến đường Bà Rịa - Châu Pha	BQLDA chuyên ngành GT	B		18,5 km	1.505.000		1.505.000	1.500.000		1.500.000	
5	Tỉnh lộ 991 nối dài (từ QL51 đến đường liên cảng Cái Mép - Thị Vải)	BQLDA GT k/v cảng Cái Mép-Thị Vải	B		3,72 km	975.971		975.971	970.000		970.000	
6	Đường ven biển Vũng Tàu đi Bình Thuận (Tỉnh lộ 994)	BQLDA chuyên ngành GT	B		76,3 km	1.000.000		1.000.000	1.000.000		1.000.000	
7	Đường Nguyễn Phong Sắc, thành phố Vũng Tàu	BQLDA chuyên ngành GT	B		4,19 km	1.109.000		1.109.000	1.100.000		1.100.000	
C	Chuẩn bị đầu tư								1.000	0	0	
1	Đường Mỹ Xuân - Ngãi Giao - Hòa Bình - Bình Châu (đường 991)	BQLDA chuyên ngành GT			20 km	500.000		500.000	1.000			Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 4/8/2020 của HĐND Tỉnh cho phép chuẩn bị đầu tư



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Phụ biểu số 04

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

CÁC DỰ ÁN HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm ĐA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bố trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bố trí vốn khi có đủ thủ tục	
	<u>TỔNG SỐ</u>								24.754.780	16.772.800	7.946.700	
A	<u>TTKL dự án đã hoàn thành</u>								812.306	812.306	0	
1	Bồi thường bổ sung dự án Cải tạo, nâng cấp đoạn cuối Quốc lộ 51 (51 cũ) thành phố Vũng Tàu	BQLDA chuyên ngành GT	B			100.000		100.000	100.000	100.000		Chi trả tiền bồi thường bổ sung theo các quyết định của UBND TP Vũng Tàu
2	Đường vào khu dịch vụ hậu cần của khu neo đậu tránh trủ bão cho tàu cá cửa sông Dinh	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT	C	495/HĐND-VP- 8/12/2015	2.439,33 m	77.909	62.378	15.531	14.950	14.950		
3	Nâng cấp đê Hải Đăng	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT	B		3.437 m	161.086	131.773	29.313	5.000	5.000		
4	Cải tạo nâng cấp trường THPT Trần Nguyên Hãn TP Vũng Tàu	BQLDA Chuyên ngành DD và CN	B	554/HĐND-VP- 28/12/2016	28 phòng học	49.622	35.000	14.622	8.000	8.000		
5	Trường THPT Liên phường: Phường 10 + Phường 11 và Phường 12 tại Tp Vũng Tàu	BQLDA Chuyên ngành DD và CN	B		36 phòng học	164.892	120.628	44.264	44.000	44.000		

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm ĐA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn đự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
6	XD cơ sở 2 trường Cao đẳng nghề tại TP Vũng tàu	Trường Cao đẳng nghề tỉnh BR-VT	B	81/NQ-HĐND- 14/12/2018	1.500 học viên	155.674	155.000	674	600	600		
7	Trường THCS phường 11	UBND TP Vũng tàu	C	490/HĐND-VP- 8/12/2015	40 phòng học	130.890	110.200	6.000	6.000	6.000		
8	Nhà bảo tàng Tỉnh	Sở VH và TT	B		12.500m2	269.370	246.790	22.580	22.000	22.000		
9	Nâng cấp mở rộng Trung tâm Điều dưỡng Người có công Cách mạng Tỉnh BR- VT	Sở LĐ-TBXH	B	372/HĐND-VP- 11/10/2016	100 giường	74.861	50.000	24.861	9.000	9.000		
10	Công viên 30/4 (Công viên Bà Rịa) giai đoạn 1 (gồm đường vào và lễ đài)	UBND TP Bà rịa	B		12,12 ha	218.602	214.676	3.926	3.926	3.926		
11	Trang thiết bị y tế BV Bà rịa	Sở Y tế	B			637.277	622.513	14.764	14.000	14.000		
12	Đầu tư thiết bị số hoá truyền hình	Đài PTTH tỉnh	B	434/HĐND-VP- 24/10/2016		99.966	94.000	5.966	5.900	5.900		
13	Trụ sở Báo Bà Rịa-Vũng Tàu	Ban biên tập báo BR-VT	B	454/HĐND-VP- 27/10/2016	3.399 m2	62.153	53.000	9.153	9.000	9.000		
14	Trụ sở Chỉ cục Bảo vệ môi trường tại thị xã Bà Rịa	BQLDA Chuyên ngành DD và CN	C	2868/QĐ-UBND- 19/10/2016	993m2	21.124	15.000	6.124	6.000	6.000		
15	Xây dựng trụ Sở Bộ chỉ huy Biên phòng Tỉnh tại BR (DA HTKT và các công trình kiến trúc)	BCH Bộ đội Biên Phòng tỉnh	B	487/HĐND-VP- 8/12/2015; 40/NQ- HĐND-18/7/2019	5 ha, 13.800m2	228.870	220.000	8.870	8.000	8.000		
16	Hạ tầng kỹ thuật khu TTCN phục vụ di dời các cơ sở tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm trên địa bàn thành phố Bà rịa tại Hòa Long	UBND TP Bà rịa	B	115/NQ-HĐND- 13/12/2019	9,9 ha	157.614	141.156	16.458	16.458	16.458		



STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm DA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bố trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bố trí vốn khi có đủ thủ tục	
17	Xử lý môi trường rạch Thủ Lựu (tuyến công hợp thoát nước và xử lý môi trường rạch Thủ Lựu) TP Bà Rịa	UBND TP Bà Rịa	B	497/HĐND-VP ngày 8/12/2015	2.614m	191.062	137.500	53.562	53.000	53.000		
18	Tỉnh lộ 765	BQLDA chuyên ngành GT	B		12,036km	435.086	405.369	29.717	29.000	29.000		
19	Đường trung tâm xã Bàu Chinh huyện Châu Đức	UBND H.Châu Đức	B		8.086 m	137.970	125.898	12.072	12.000	12.000		
20	Sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước Suối Sao xã Quảng Thành	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT	C	2316/QĐ-UBND-21/8/2018		10.601	5.413	5.188	5.000	5.000		
21	Xây mới tràn xả lũ công trình hồ chứa nước Gia hoét I	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT	C	1401/QĐ-UBND-30/5/2018		23.848	20.677	3.171	3.000	3.000		
22	Nâng cấp, bổ sung các hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Châu Đức	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT	B	416/HĐND-VP-18/10/2016	178.743 m	71.357	56.804	14.553	14.000	14.000		
23	Trường mầm non Bình Minh xã Cù Bị huyện Châu Đức	UBND H.Châu Đức	C	2205/QĐ-UBND-8/8/2017	10 nhóm lớp	29.942	22.129	7.813	7.000	7.000		
24	Trường tiểu học Sông Cầu xã Nghĩa Thành huyện Châu Đức	UBND H.Châu Đức	C	385/HĐND-VP-11/10/2016	12 phòng học	46.218	30.207	16.011	16.000	16.000		
25	Trường mầm non xã An Ngãi huyện Long Điền	UBND H.Long Điền	C	557/HĐND-VP-28/12/2016	8 nhóm lớp	33.657	27.532	4.469	4.000	4.000		
26	Trường mẫu giáo Long Hải 4 thị trấn Long Hải	UBND H.Long Điền	B	555/HĐND-VP-28/12/2016	12 nhóm lớp	44.213	40.494	3.719	3.700	3.700		
27	Đường Hải Lâm-Bàu Trữ đoạn qua huyện Đất Đỏ	UBND H.Đất đỏ	C	2615/QĐ-UBND-26/9/2016	3.367 m	37.281	27.079	11.221	10.000	10.000		

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm ĐA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Luỹ kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
28	Sửa chữa, gia cố đập nước phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy rừng khu vực núi Minh Đạm	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT	C	2038/UBND-VP-09/8/2019		5.416	3.500	1.916	1.000	1.000		
76	Xây dựng đường băng cỏ định phòng cháy chữa cháy rừng tại khu vực núi Minh Đạm	BQL rừng phòng hộ tỉnh BR-VT	C		2.264 m	20.552	18.000	2.500	2.500	2.500		
29	HTKT ngoài hàng rào (đường vào, cấp điện, cấp nước) Khu chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh tại xã Lăng Dài, huyện Đất Đỏ	UBND H.Đất Đỏ	B	458/HĐND-28/10/2016	7.83 km	80.502	69.520	12.852	12.000	12.000		
30	Trường mầm non Đất Đỏ	UBND H.Đất đỏ	C	225/HĐND-22/6/2016; 73/NQ-HĐND-14/12/2018	12 nhóm lớp	60.034	43.763	16.271	15.000	15.000		
31	XD doanh trại và thao trường huấn luyện tại trung đoàn Minh Đạm	BCHQS Tỉnh	C	3119/QĐ-UBND-27/10/2017		28.046	22.318	5.728	5.000	5.000		
32	Khu chế biến hải sản tại Đất Đỏ	UBND H.Đất đỏ	B	50/NQ-HĐND-4/8/2020	38,05 ha	240.026	216.762	23.264	15.000	15.000		
33	Đường dân sinh sắt ranh KCN Mỹ Xuân B1-Conac nối từ đường B1 đến đường Mỹ Xuân-Ngãi giao	UBND TX Phú Mỹ	C	2549/QĐ-UBND-16/9/2016; 10/NQ-HĐND-20/4/2020	1.016 m	48.661	39.500	9.161	9.000	9.000		
34	Đường QH 81 khu đô thị mới Phú Mỹ	UBND TX Phú Mỹ	B	489/HĐND-VP ngày 8/12/2015	1.906 m	181.272	143.190	38.082	38.000	38.000		
35	Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Phú mỹ 1	Cty ĐTKT HTKT KCN ĐX&PM1	A		954,4 ha	1.722.700	1.631.039	91.661	90.000	90.000		



STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm DA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ tri vốn khi có đủ thủ tục	
36	Nâng cấp, bổ sung các hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Xuyên Mộc	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT	B	417/HĐND-VP-18/10/2016	211.270 m	108.509	66.493	42.016	40.000	40.000		
37	Nhà công vụ giáo viên xã Bưng riềng, Bình Châu huyện Xuyên Mộc	BQLDA Chuyên ngành DD và CN	C	2063/QĐ-UBND-26/7/2017	39 căn hộ	25.067	20.000	5.067	3.000	3.000		
38	Cải tạo, sửa chữa và bổ sung các phòng chức năng của các Trường: THCS Bình Châu, THCS Hòa Hưng, THCS Phước Thuận, THCS Bông Trang và THCS Phước Bửu huyện Xuyên Mộc	UBND H.Xuyên mộc	B	419/HĐND-VP-18/10/2016		123.442	110.700	12.742	12.000	12.000		
39	Trường mầm non Đội 1 xã Hòa Bình huyện Xuyên Mộc	UBND H.Xuyên mộc	C	2374/QĐ-UBND-30/8/2016	8 nhóm lớp	29.965	25.053	4.910	4.000	4.000		
40	Trụ sở làm việc Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu - Phước Bửu	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT	C	2965/QĐ-UBND-28/10/2016	1.302 m2	14.728	10.602	4.126	4.000	4.000		
41	Khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão Bến lới Bình châu	UBND H.Xuyên mộc	B		15 trụ neo và 48 bộ phao neo	0	248.989	2.000	2.000	2.000		
42	HTKT khu chợ trung tâm huyện Xuyên Mộc	UBND H.Xuyên Mộc	B	459/HĐND-VP-28/10/2016	9,7ha	139.761	123.670	16.091	16.000	16.000		
43	Bể chứa nước mưa trên các đảo nhỏ thuộc Vườn Quốc gia Côn Đảo	Vườn QG Côn đảo	C	2951/QĐ-UBND-31/12/2015	9 bể	14.096	11.300	2.796	2.700	2.700		
44	Vườn Quốc gia Côn Đảo giai đoạn 3	Vườn QG Côn đảo	C	226/HĐND-VP-22/6/2016		56.426	55.000	1.426	1.400	1.400		
45	Trường mầm non Côn Đảo	UBND H.Côn đảo	B	409/HĐND-VP-23/10/2017	10 nhóm lớp	52.255	44.600	7.655	7.000	7.000		

S T T	Đanh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm ĐA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bố trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bố trí vốn khi có đủ thủ tục	
46	Nhà công vụ cho lực lượng vũ trang Ban chỉ huy quân sự huyện Côn Đảo	BCHQS Tỉnh	B	486/HĐND-VP- 8/12/2015	64 căn hộ	92.443	77.007	15.436	12.000	12.000		
47	Đầu tư cải tạo và phát triển lưới điện nông thôn 2016- 2020 (năm 2018-2020)	BQLĐA Chuyên ngành ĐD và CN	B	461/HĐND-VP- 28/10/2016	296,2 km hạ thế; 13.712 KVA	114.356	76.600	37.756	37.000	37.000		
48	Đầu tư phát triển lưới điện ngầm khu vực trung tâm thành phố Bà Rịa và thành phố Vũng Tàu giai đoạn 2016-2020	BQLĐA Chuyên ngành ĐD và CN	B	242/HĐND-VP- 6/7/2017; 72/NQ- HĐND-12/9/2019	32.225 km	99.904	63.000	36.904	36.000	36.000		
49	Thay thế các hồ ga thu hiện hữu bằng hồ ga ngăn mùi kiểu mới	Cty Thoát nước và PT đô thị tỉnh BR-VT	B						8.900	8.900		
50	Cải tạo sửa chữa hoàn thiện cơ sở vật chất Trường Cao đẳng sư phạm tỉnh BR-VT	Trường Cao đẳng sư phạm	B						9.272	9.272		
									13.617.194	13.617.194	0	
B	Dự án chuyển tiếp											
1	Đường Bình Giả (từ 30/4 đến đường 2/9), thành phố Vũng Tàu	UBND TP Vũng tàu	B	80/NQ-HĐND- 14/12/2018	1,29km	421.856	80.300	341.556	341.000	341.000		
2	Đường Cầu Cháy TPVT (đoạn từ đường 30/4 đến đường 3/2)	UBND TP Vũng tàu	B	73/NQ-HĐND- 12/9/2019	2.173 m	443.101	65.250	377.851	377.000	377.000		
3	Đường hàng điều (đoạn từ 30/4 đến 51C)	UBND TP Vũng tàu	B	74/NQ-HĐND- 12/9/2019	2.130 m	467.237	75.250	391.987	391.000	391.000		
4	Đường Lê Quang Định từ đường 30/4 đến đường Bình giã phường 10 TPVT (giai đoạn 2)	UBND TP Vũng tàu	B	55/NQ-HĐND- 14/12/2018	1.199,1 m+ 1.260,88 m	213.166	66.858	146.308	146.000	146.000		



STT	Biên mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm DA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
5	Đường Ngô quyền phường 10 TPVT	UBND TP Vũng tàu	C	70/NQ-HĐND-12/9/2019	1.487m	102.347	58.790	43.557	43.000	43.000		
6	Đường QH D15 khu du lịch Chi linh-Cửa Lấp TPVT	TT Phát triển quỹ đất	C		1.121,8m	44.111	30.000	14.111	14.000	14.000		
7	Đường quy hoạch A III	UBND TP Vũng tàu	B	59/NQ-HĐND-14/12/2018	2,29 km	345.616	30.300	315.316	315.000	315.000		
8	Đường quy hoạch A4 (đường vào trường THCS phường 11) TPVT	UBND TP Vũng tàu	B	61/NQ-HĐND-14/12/2018	1.314 m	177.964	20.300	157.664	157.000	157.000		
9	Đường Rạch Bả 1 phường 11 TPVT	UBND TP Vũng tàu	B	62/NQ-HĐND-14/12/2018	1,33 km	168.707	30.300	138.407	138.000	138.000		
10	HTKT Khu tái định cư phường Thắng nhất TPVT	UBND TP Vũng tàu	B	457/HĐND-VP-28/10/2016	4,58 ha; 313 nền đất	75.605	39.229	36.376	36.000	36.000		
11	Chính trang kiến trúc cầu Cỏ May	BQLDA Chuyên ngành DD và CN	B	397/HĐND-VP-12/10/2017		98.391	40.000	58.391	58.000	58.000		
12	Chung cư tái định cư phường Thắng Tam, thành phố Vũng Tàu	UBND TP Vũng tàu	B	112/HĐND-VP-14/3/2016	504 căn hộ	586.096	387.929	198.167	198.000	198.000		
13	HTKT Khu tái định cư 10ha trong 58ha phường 10	UBND TP Vũng tàu	B	456/HĐND-VP-28/10/2016	10 ha; 302 lô đất và 1.300 căn hộ	190.040	108.000	82.040	82.000	82.000		
14	HTKT khu tái định cư Long Sơn	BQLDA chuyên ngành GT	B		60,79 ha; 909 lô đất	722.567	683.404	39.163	39.000	39.000		
15	Khu tái định cư Tây Bắc đường AIII thành phố Vũng tàu	UBND TP Vũng tàu	B		24,8ha; 993 lô đất và 2 chung cư	511.752	297.778	213.974	213.000	213.000		
16	XD nhà ở xã hội tại lô số 2 khu tái định cư đường AIII phường 11 TPVT	TT Quản lý và Phát triển nhà ở	B		440 căn hộ	238.458	31.864	206.594	206.000	206.000		

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm ĐA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
17	XD nhà tang lễ thành phố Vũng tàu	UBND TP Vũng tàu	B	195/HĐND-VP- 22/6/2018	4.016 m2	86.021	6.150	79.871	79.000	79.000		
18	Trường mầm non Hàng Điều Phường 11	UBND TP Vũng tàu	B	485/HĐND-VP- 8/12/2015	18 nhóm lớp	67.955	29.437	38.518	38.000	38.000		
19	Trường mầm non phường 10 TPVT	UBND TP Vũng tàu	C	369/HĐND-VP- 11/10/2016	20 nhóm lớp	47.447	36.650	10.797	10.000	10.000		
20	Trường mầm non Phường Nguyễn An Ninh	UBND TP Vũng tàu	C	367/HĐND-VP- 11/10/2016	17 nhóm lớp	44.217	23.310	20.907	20.000	20.000		
21	Trường mầm non Rạch Dừa Phường Rạch Dừa	UBND TP Vũng tàu	B		18 nhóm lớp	120.719	52.338	68.381	68.000	68.000		
22	Trường tiểu học Bến Nôm phường 10	UBND TP Vũng tàu	B	500/HĐND-VP- 20/12/2017	30 phòng học	126.214	76.748	49.466	49.000	49.000		
23	Trường tiểu học phường 10 TP Vũng Tàu	UBND TP Vũng tàu	B	370/HĐND-VP- 11/10/2016	30 phòng học	58.482	30.100	28.382	28.000	28.000		
24	Trường tiểu học phường 11 TPVT (tiểu học Phước Sơn)	UBND TP Vũng tàu	B	368/HĐND-VP- 11/10/2016	30 phòng học	78.233	17.100	61.133	61.000	61.000		
25	Trường tiểu học phường 11, thành phố Vũng Tàu (tiểu học Phước An)	UBND TP Vũng tàu	B	54/NQ-HĐND- 14/12/2018	30 phòng học	74.829	23.100	51.729	50.000	50.000		
26	Trường tiểu học phường Thăng Nhứt TPVT	UBND TP Vũng tàu	B	371/HĐND-VP- 11/10/2016	30 phòng học	64.142	48.000	16.142	16.000	16.000		
27	Trường tiểu học Thăng Nhì TP Vũng Tàu	UBND TP Vũng tàu	B	556/HĐND-VP- 28/12/2016; 11/NQ- HĐND-20/4/2020	30 phòng học	110.309	62.000	48.309	48.000	48.000		
28	Trường THCS Hàn Thuyên TPVT	UBND TP Vũng tàu	B	tháng 4/2012	36 phòng học	114.285	42.691	71.594	71.000	71.000		
29	BIGPMB TT Hành chính TP Vũng tàu	UBND TP Vũng tàu	B		90.394m2	237.402	130.773	106.629	105.000	105.000		
30	Cầu cảng và doanh trại Hải đội 2	BCH Bộ đội Biên Phòng tỉnh	B	58/NQ-HĐND- 14/12/2018	1.577 m2	52.527	9.100	43.427	43.000	43.000		
31	Trụ sở công an phường 7 TPVT	Công an Tỉnh	C	3835/QĐ-UBND- 30/12/2016	687 m2	6.522	4.489	2.033	1.800	1.800		



STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm DA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
32	Trụ sở làm việc Công an thành phố Vũng Tàu	Công an Tỉnh	B	267/HĐND-VP-31/7/2017	3,06 ha	169.570	65.000	104.570	104.000	104.000		
33	Đầu tư 20km đường nội thị TP BR (gd 1)	UBND TP Bà Rịa	B	460/HĐND-VP-28/10/2016	5 tuyến đường; 10 km	471.118	266.867	204.251	204.000	204.000		
34	Đường phía Bắc bệnh viện Bà Rịa mới	UBND TP Bà Rịa	B	427/HĐND-VP-20/10/2016	1.386 m	110.907	32.300	78.607	78.000	78.000		
35	Nâng cấp tỉnh lộ 52 TPBR	UBND TP Bà Rịa	B	445/HĐND-VP-25/10/2016; 79/NQ-HĐND-14/12/2018	6 km	491.333	356.413	134.920	134.000	134.000		
36	Khu TDC phường Phước Hưng	UBND TP Bà Rịa	C	2251/QĐ-UBND-18/8/2016, 36/HĐND ngày 18/7/2019	5,35 ha	67.844	49.050	18.794	18.794	18.794		
37	Khu tái định cư Hòa Long	UBND TP Bà Rịa	B	42/NQ-HĐND ngày 18/7/2019	849 lô đất	317.383	48.000	269.383	269.000	269.000		
38	Khu nhà ăn và phòng chức năng trường THCS Lê Quang Cường	UBND TP Bà Rịa	C	2811/QĐ-UBND-23/10/2019	300 HS	18.256	10.100	8.156	8.000	8.000		
39	Trường THCS Phước Hưng TPBR	UBND TP Bà Rịa	B	380/HĐND-11/10/2016, 220/HĐND-VP ngày 30/7/2018	24 phòng học	99.150	72.688	26.462	26.000	26.000		
40	Trường mầm non Long Phước 2 TPBR	UBND TP Bà Rịa	B	381/HĐND-VP-11/10/2016	11 nhóm lớp	50.517	34.870	15.647	15.000	15.000		
41	Trường tiểu học Phước Trung TPBR	UBND TP Bà Rịa	B	268/HĐND-VP; 31/7/2017	24 phòng học	78.622	32.450	46.172	46.000	46.000		
42	Nâng cấp mở rộng trung tâm chẩn đoán y khoa thành BV Mắt	BQLDA Chuyên ngành DD và CN	B	51/NQ-HĐND-14/12/2018	100 giường	86.987	25.100	61.887	61.000	61.000		
43	Trụ sở Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh BR-VT	BQLDA Chuyên ngành DD và CN	C	3804/QĐ-UBND-30/12/2016	1.262 m2	22.899	12.829	10.070	10.000	10.000		

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm ĐA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Luỹ kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
44	Trùng tu tôn tạo và nâng cấp địa đạo Long Phước	UBND TP.Bà Rịa	B	337/HĐND-VP- 13/9/2017; 76/NQ- HĐND-14/12/2018	735 m	105.137	72.837	32.300	32.000	32.000		
45	Xây dựng khu hậu cở cho Đoàn ca múa nhạc của Tỉnh tại Bà Rịa (hạng mục khu lưu trú)	Sở VH và TT	B		2.274m2	12.885	10.973	1.912	1.500	1.500		
46	Sửa chữa Nghĩa trang liệt sỹ tỉnh	Sở LĐ-TBXH	B	454/HĐND-VP ngày 17/11/2015		157.000	137.000	20.000	20.000	20.000		
47	Bổ sung một số hạng mục của trường Chính trị tỉnh	Trường Chính trị Tỉnh	C	2846/QĐ-UBND- 17/10/2016	1.290m2	15.472	7.000	8.472	7.000	7.000		
48	Trụ sở các đơn vị sự nghiệp của tỉnh tại Bà Rịa (San nền)	BQLDA Chuyên ngành DD và CN	B	533/HĐND- 28/11/2016	Sha: 75.789m3	83.192	40.953	42.239	42.000	42.000		
49	Trụ sở làm việc Trung tâm kiểm định chất lượng công trình giao thông tại thị xã Bà Rịa	BQLDA Chuyên ngành DD và CN	C	2879/QĐ-UBND- 21/10/2016	958m2	27.996	11.350	16.646	16.000	16.000		
50	Trụ sở Trung tâm Quan trắc và Phân tích môi trường	BQLDA Chuyên ngành DD và CN	C	2505/QĐ-UBND- 7/9/2018	2.383 m2	29.884	8.770	21.114	21.000	21.000		
51	Trung tâm dịch vụ công tỉnh BR-VT và trụ sở làm việc Đoàn đại biểu Quốc hội, HĐND tỉnh	BQLDA Chuyên ngành DD và CN	B	45/NQ-HĐND- 18/7/2019	8.588,6 m2	192.189	15.100	177.089	177.000	177.000		
52	Hỗ trợ xây dựng trụ sở Cảnh sát PC và CC Tỉnh	Công an Tỉnh	B	269/HĐND-VP- 31/7/2017	6.118 m2	88.550	24.000	64.550	64.000	64.000		
53	Trụ sở Ban chỉ huy QS Thành phố Bà Rịa	BCHQS Tỉnh	B	395/HĐND-VP- 12/10/2017	5.240 m2	79.669	57.000	22.669	22.000	22.000		



STT	Tên mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm DA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
54	Trường quân sự tỉnh gắn với Trung tâm giáo dục Quốc phòng	BCHQS Tỉnh	B	50/NQ-HĐND-14/12/2018	10.493 m2	208.625	7.100	201.525	2.000	2.000		Ngừng không triển khai
55	Dự án thu gom và xử lý nước thải thị xã Bà Rịa (ODA Thụy Sĩ)	BQLDA Chuyên ngành DD và CN	B		12.000m3/ngày đêm	473.484	185.472	288.012	288.000	288.000		
56	Đường B xã Kim Long	UBND H.Châu Đức	B	501/HĐND-VP-20/12/2017	2.786,92 m	164.577	40.200	124.377	124.000	124.000		
57	Đường Bình Ba-Bình Trung	UBND H.Châu Đức	B	45/HĐND-VP-22/2/2017	5,2km	82.280	68.500	13.780	13.000	13.000		
58	Đường Mỹ xuân-Ngãi giao-Hòa bình đoạn từ cầu Suối lúp đến đường 765	UBND H.Châu Đức	B	50/NQ-HĐND-18/7/2019	5,5 km	250.417	3.300	247.117	247.000	247.000		
59	Đường nối từ Tỉnh lộ 992 đến đường Quảng Phú Phước An huyện Châu Đức (Đường vào KCN Đá Bạc huyện Châu Đức)	BQLDA chuyên ngành GT	B	65/NQ-HĐND-14/12/2018	2,733 km	87.279	15.200	72.079	72.000	72.000		
60	Đường Ngãi Giao-Cù Bị giai đoạn 2	UBND H.Châu Đức	B	56/NQ-HĐND-18/7/2019	7,2 km	175.388	94.000	81.388	81.000	81.000		
61	Đường trung tâm xã Kim Long	UBND H.Châu Đức	B	502/HĐND-VP-20/12/2017	1.567,35 m	161.403	40.250	121.153	121.000	121.000		
62	Sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước Gia hoét II	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT	C	181/QĐ-UBND-24/1/2019		6.174	1.894	4.280	4.000	4.000		
63	Sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước Kim Long huyện Châu Đức	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT	C	3003/QĐ-UBND-25/10/2018		46.826	25.362	21.464	20.000	20.000		
64	Sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước Suối Đồi 1	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT	C	3718/QĐ-UBND-27/12/2018		6.791	3.693	3.098	3.000	3.000		

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm ĐA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Luỹ kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
65	Cải tạo, nâng cấp Trường THCS Nguyễn Công Trứ, THCS Nguyễn Trường Tộ và tiểu học Đình Tiên Hoàng	UBND H.Châu đức	C	39/QĐ-UBND- 18/7/2019		44.918	24.500	20.418	20.000	20.000		
66	Sửa chữa trường THPT Nguyễn Văn Cừ	BQLDA Chuyên ngành ĐD và CN	C	83/NQ-HĐND- 25/10/2019		36.595	12.000	24.595	24.000	24.000		
67	Trường tiểu học Trần Phú xã Suối Rao	UBND H.Châu đức	B	383/HĐND-VP- 11/10/2016	12 phòng học	45.393	31.500	13.893	13.000	13.000		
68	Trường THCS Kim Long, xã Kim Long	UBND H.Châu đức	B	339/HĐND-VP- 13/9/2017	12 phòng học	47.189	27.100	20.089	20.000	20.000		
69	XD mới Trung tâm y tế huyện Châu Đức	BQLDA Chuyên ngành ĐD và CN	B	341/HĐND-VP- 13/9/2017; 12/NQ- HĐND-20/4/2020	100 giường	301.048	92.498	208.550	208.000	208.000		
70	Công viên Chiến Thắng (XD Tượng đài chiến thắng tiểu đoàn 445 và bia tưởng niệm liệt sỹ D445)	BQLDA Chuyên ngành ĐD và CN	B	297/HĐND-VP- 19/9/2018	24.200 m2	102.526	65.080	37.446	37.000	37.000		
71	Cải tạo mở rộng đường ven biển đoạn từ cầu Cửa Lấp đến Ngã 3 Lò vôi	UBND H.Long điền	B	129/HĐND- 24/3/2016	8.415 m	397.975	249.811	148.164	148.000	148.000		
72	Đường QH số 14 thị trấn Long hải	UBND H.Long điền	C	475/HĐND-VP- 31/10/2016	751,74 m	77.493	27.926	49.567	45.000	45.000		
73	XD HTKT phục vụ sản xuất, chế biến và lưu thông muối trên địa bàn tỉnh BR-VT	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT	C		375 ha	36.136	26.346	9.790	9.000	9.000		
74	Trường mầm non Phước Tinh 2 huyện Long Điền	UBND H.Long điền	B	122/HĐND-VP- 12/4/2012	12 nhóm lớp	47.944	24.211	23.733	23.000	23.000		

T. T.	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm DA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
75	Trường tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai xã Phước Tỉnh huyện Long Điền	UBND H.Long điền	C	123/HĐND-VP-12/4/2017	16 phòng học	39.029	25.050	13.979	13.000	13.000		
76	Trường Tiểu học Phước Hưng 4, huyện Long Điền	UBND H.Long điền	B	53/NQ-HĐND-14/12/2018	24 phòng học	56.168	20.100	36.068	36.000	36.000		
77	Trường THPT Phước Tỉnh huyện Long Điền	BQLDA Chuyên ngành DD và CN	B	338/HĐND-VP-13/9/2017	30 phòng học	80.288	21.780	58.508	50.000	50.000		
78	Cải tạo TTYT Long điền cũ thành BV Lão và bệnh phổi	BQLDA Chuyên ngành DD và CN	B	52/NQ-HĐND-14/12/2018	100 giường	105.423	3.481	101.942	100.000	100.000		
79	Mở rộng trụ sở Công an huyện Long Điền	UBND H.Long điền	B	127/HĐND-VP-24/3/2016	1.925 m2	45.219	35.202	10.017	10.000	10.000		
80	XD mới đồn biên phòng 500 xã Phước Tỉnh	BCH Bộ đội Biên Phòng tỉnh	C	126/HĐND-VP-24/3/2016	2.742 m2	32.366	18.050	14.316	14.000	14.000		
81	Cải tạo, nâng cấp đường ven núi Minh Đạm đoạn từ TL44A giáp khu du lịch Thủy Dương đến ngã ba Long Phú	UBND H.Đất đỏ	B	53/NQ-HĐND-18/7/2019	5.581 m	238.375	55.724	182.165	180.000	180.000		
82	Đường Long Tân - Láng Dài	UBND H.Đất Đỏ	C	642/QĐ-UBND-22/3/2017	3.322m	34.963	5.343	29.620	28.000	28.000		
83	Đường QH số 2 thị trấn Đất Đỏ	UBND H.Đất đỏ	B	501/HĐND-VP-9/11/2016	2.710 m	117.301	84.541	32.760	30.000	30.000		
84	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tại Lộc An	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT	B	118/HĐND-VP-17/3/2016; 38/NQ-HĐND-18/7/2019	200 chiếc/ 200cv	223.483	167.043	56.440	56.000	56.000		

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm ĐA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
85	Trường mầm non Lộc An huyện Đất Đỏ	UBND H.Đất đỏ	C	426/HĐND-VP- 19/10/2016; 16/NQ- HDND-20/4/2020	12 nhóm lớp	46.644	20.031	26.613	25.000	25.000		
86	Trường mầm non xã Long Mỹ	UBND H.Đất đỏ	C	1188/QĐ-UBND- 8/5/2017; 15/NQ- HDND-20/4/2020	8 nhóm lớp	31.367	15.050	16.317	16.000	16.000		
87	Đường 81 nối dài	UBND TX Phú Mỹ	C	75/NQ-HĐND- 12/9/2019	577,2 m	73.194	20.000	53.194	53.000	53.000		
88	Đường QH 46 nối dài khu đô thị mới Phú Mỹ	UBND TX Phú Mỹ	B	537/HĐND-VP- 30/11/2016	1.051 m	106.796	69.250	37.546	37.000	37.000		
89	Đường QH S (song song QL51) thị trấn Phú Mỹ	UBND TX Phú Mỹ	B	453/HĐND-VP- 27/10/2016	6,83 km	420.704	309.742	110.962	110.000	110.000		
90	Đường quy hoạch T đô thị mới Phú Mỹ, huyện Tân Thành.	UBND TX Phú Mỹ	B	67/NQ-HĐND- 14/12/2018	5,3 km	323.257	50.300	272.957	272.000	272.000		
91	Trụ sở Trạm kiểm lâm Tân Hải	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT	C	3093/QĐ-UBND- 27/10/2017		3.780	243	3.537	3.500	3.500		
92	Hạ tầng khu nhà ở cho công nhân trong khu công nghiệp	BQLDA Chuyên ngành ĐD và CN	C		14,47 ha, 1.012 căn hộ	173.595	122.514	51.081	51.000	51.000		
93	HTKT Khu tái định cư 5,6ha xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành	UBND TX Phú Mỹ	C	340/HĐND-VP- 13/9/2017	251 lô đất	63.009	33.150	29.859	29.000	29.000		
94	HTKT khu tái định cư thị trấn Phú Mỹ	UBND TX Phú Mỹ	B	68/NQ-HĐND- 14/12/2018	37,12 ha	534.785	60.200	474.585	474.000	474.000		



STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm DA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
95	Tuyến thoát nước chính dọc quốc lộ 51 (đoạn từ đường 2A đến chùa Huệ Quang, đoạn từ VCB đến cầu Ngọc Há và đoạn từ đường Phước Hoà-Cái Mép đến cầu Rạch Tre)	UBND TX Phú Mỹ	B	69/NQ-HĐND-14/12/2018	7,57 km	293.486	30.150	263.336	263.000	263.000		
96	Tuyến thoát nước chính dọc quốc lộ 51 (đoạn từ đường 46 đến đường Phước Hoà-Cái Mép)	BQLDA Chuyên ngành DD và CN	B	69/NQ-HĐND-14/12/2018	7,3 km	278.142	3.150	274.992	274.000	274.000		
97	Trường mầm non Hắc Dịch 2	UBND TX Phú Mỹ	C	422/HĐND-VP-18/10/2016	10 nhóm lớp	36.641	21.200	15.441	12.300	12.300		
98	Mở rộng bệnh viện huyện Tân thành	Sở Y tế	B		100 giường	67.729	50.690	17.039	6.000	6.000		
99	Trạm kiểm soát giao thông đường thủy tại Cái Mép	Công an Tỉnh	C	3837/QĐ-UBND-30/12/2016	2.696 m2	25.721	21.551	4.170	2.400	2.400		
100	Thu gom, xử lý và thoát nước đô thị mới Phú Mỹ	BQLDA Chuyên ngành DD và CN	B		29.700m3/ngày; 123.886 m cống	536.708	166.784	369.924	369.000	369.000		
101	Các tuyến đường giao thông nội đồng ven bờ hồ chứa nước Sông Ray	UBND H.Xuân mộc	C	13/NQ-HĐND-26/3/2019; 18/NQ-HĐND-20/4/2020	21,8 km	83.129	23.564	59.565	59.000	59.000		
102	Đầu tư nâng cấp đường 329 huyện Xuân mộc	BQLDA chuyên ngành GT	B	453A/HĐND-VP-27/10/2016	10,4 km	396.805	216.501	180.304	180.000	180.000		
103	Đường Hòa Bình - Hòa Hội - Bưng Riềng - Bình Châu (đường 56)	UBND H.Xuân mộc	B	46/NQ-HĐND-18/7/2019	17,3km	223.513	20.000	203.513	203.000	203.000		

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm ĐA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Luỹ kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thu tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
104	Đường khu dân cư Làng Hàng (đoạn từ đồn Biên Phòng đến giao đường ven biển), xã Bình Châu	UBND H.Xuân mội	C	1212/QĐ-UBND ngày 14/5/2019		39.145	4.150	34.995	34.000	34.000		
105	Đường N4 vòng quanh bờ hồ Xuân mội	UBND H.Xuân mội	B	420/HDND-VP- 18/10/2016; 72/NQ- HĐND-14/12/2018	4.825m	121.648	2.150	119.498	119.000	119.000		
106	Đường QH số 2 thị trấn Phước bửu	UBND H.Xuân mội	B	421/HDND-VP- 18/10/2016	2.370,9 m	194.403	139.250	55.153	55.000	55.000		
107	Đường QH số 34A (đoạn giao đường QH số 5 và đường 21) và Đường QH số 21 (đoạn giao đường QH số 4 và đường 34A) thị trấn Phước Bửu	UBND H.Xuân mội	B	71/NQ-HĐND- 14/12/2018	2.8 km	160.088	42.300	117.788	117.000	117.000		
108	Mở rộng nâng cấp đường Bàu Bàng xã Bình Châu huyện XM	UBND H.Xuân mội	B	452/HĐND-VP- 27/10/2016	1.645,6 m	87.522	47.063	40.522	40.000	40.000		
109	Nâng cấp mở rộng 5 tuyến đường đô thị, thị trấn Phước Bửu (Tôn Đức Thắng (QH số 6), Trần Văn Trà, Nguyễn Minh Khanh (QH số 19), Trần Hưng Đạo (QH số 7) và Trần Bình Trọng)	UBND H.Xuân mội	B	74/NQ-HĐND- 14/12/2018	2.300 m	131.249	20.300	110.949	110.000	110.000		
110	Nâng cấp mở rộng đường 328 đoạn Phước Tân-Phước Bửu-Hồ Tràm	UBND H.Xuân mội	B	423/HDND-VP- 19/10/2016	11,3 km	294.986	59.181	235.805	225.000	225.000		
111	Nâng cấp, mở rộng đường Tỉnh lộ 328 huyện Xuân Mội	BQLĐA chuyên ngành GT	B	452A/HĐND-VP- 27/10/2016	15.115 km	583.522	242.043	341.479	340.000	340.000		



STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm DA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
112	XD đập dâng Suối Bang huyện Xuyên Mộc	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT	C	2396/QĐ-UBND ngày 12/9/2019		39.857	1.502	38.355	38.000	38.000		
113	Cải tạo nâng cấp tràn xả lũ hồ chứa nước Suối Các xã Hoà Hiệp huyện Xuyên Mộc	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT	C	1590/QĐ-UBND-25/6/2019	35,94 m	25.927	17.100	8.827	8.500	8.500		
114	Cải tạo nâng cấp tràn xả lũ và kênh dẫn tràn hồ chứa nước Xuyên Mộc	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT	C	2830/QĐ-UBND-25/10/2019		29.296	10.100	19.196	19.000	19.000		
115	Hệ thống kênh cấp nước mặn phục vụ nuôi trồng thủy sản khu vực bờ trái cửa Sông Ray	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT	B	432/HĐND-VP-27/10/2017	5,5 km	59.827	23.332	36.495	36.000	36.000		
116	Hệ thống kênh mương phục vụ sản xuất nông nghiệp khu vực xã Phước Tân, Hoà Bình huyện XM	TT Quản lý khai thác công trình thủy lợi	B	120/HĐND-VP-12/4/2017	26.156 m	40.000	15.300	24.700	24.000	24.000		
117	Xây dựng các hồ chứa nước và tuyến ống tiếp nước cho các hồ chứa nước tại Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu - Phước Bửu để phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy rừng	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT	C	87/NQ-HĐND-25/10/2019	9.330 m	68.217	30.000	38.217	38.000	38.000		
118	Sửa chữa, cải tạo trường THPT Bưng Riềng	BQLDA Chuyên ngành DD và CN	C	2840/QĐ-UBND-28/10/2019		29.409	12.000	17.409	17.000	17.000		
119	Trường mầm non Hòa Hiệp 2, xã Hòa Hiệp;	UBND H.Xuyên mộc	B	377/HĐND-VP-11/10/2016	15 nhóm lớp	51.739	32.470	19.269	19.000	19.000		
120	Trường tiểu học Bông Trang	UBND H.Xuyên mộc	C	407/HĐND-VP-14/10/2016	12 phòng học	35.289	30.000	5.289	5.000	5.000		

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm ĐA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
121	Trường tiểu học Hồ Tràm.	UBND H.Xuân mộc	B		16 phòng học	85.925	73.300	12.625	12.000	12.000		
122	Trường tiểu học Lương Thế Vĩnh xã Hòa Bình huyện Xuân Mộc giai đoạn 2	UBND H.Xuân mộc	C	2067/QĐ-UBND- 1/6/2016	4 phòng học	26.383	20.050	6.333	6.000	6.000		
123	Trường THCS Bình Châu 2 huyện XM	UBND H.Xuân mộc	B	378/HĐND-VP- 11/10/2016	20 phòng học	57.867	43.000	14.867	14.000	14.000		
124	Trường THCS Hòa Hiệp 2 huyện Xuân mộc	UBND H.Xuân mộc	B	375/HĐND-VP- 11/10/2016	18 phòng học	63.126	27.626	35.500	35.000	35.000		
125	Nâng cấp mở rộng TTYT huyện Xuân Mộc	UBND H.Xuân mộc	B	376/HĐND-VP- 11/10/2016	200 giường	75.558	50.013	25.545	25.000	25.000		
126	Nâng cấp sửa chữa TT Văn hóa-TDTT huyện Xuân mộc	UBND H.Xuân mộc	B	538/HĐND-VP- 30/11/2016	4,58 ha	56.231	18.100	38.131	38.000	38.000		
127	Đầu tư cải tạo lại khu cải nghiệm ma túy tại huyện Xuân Mộc	Sở LĐ-TBXH	B	85/NQ-HĐND- 25/10/2019	41ha	206.107	41.000	165.107	165.000	165.000		
128	Cảng tàu khách Côn đảo	BQL Cảng Bến đầm	B		50md	125.406	93.519	31.887	31.000	31.000		TM ĐT 158,406 tỷ, trong đó vốn TW 33,0 tỷ, vốn NS tỉnh 125,4 tỷ
129	Đường trục phía Bắc trung tâm Côn Đảo	BQLĐA chuyên ngành GT	B	411/HĐND-VP- 23/10/2017	5,8 km	547.264	225.100	322.164	322.000	322.000		
130	Nâng cấp đường Huỳnh Thúc Kháng Côn Đảo	UBND H.Côn đảo	B	51/NQ-HĐND- 18/7/2019	2,7km	142.234	25.485	116.749	116.000	116.000		
131	Nâng cấp mở rộng cảng Bến Đầm	BQLĐA chuyên ngành GT	B	410/HĐND-VP- 23/10/2017	3.000DWT	135.248	75.000	60.248	60.000	60.000		
132	Hồ chứa nước Suối Ốt	UBND H.Côn đảo	C	2589/QĐ-UBND- 17/9/2018	70.000m3	31.923	18.200	13.723	13.000	13.000		



STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm DA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
133	Hồ chứa nước Lô Vôi	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT	C	1569/QĐ-UBND-14/6/2018	62.790m3	38.969	23.650	15.319	15.000	15.000		
134	Kiên cố hoá các tuyến mương thu gom nước của khu dân cư số 03, huyện Côn Đảo	UBND H.Côn đảo	C	2529/QĐ-UBND ngày 17/9/2019	3.495 m	47.973	10.000	37.973	37.000	37.000		
135	Nạo vét hồ Quang Trung I huyện Côn Đảo	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT	B	431/HĐND-VP-27/10/2017	17.45 ha	122.970	41.896	81.074	80.000	80.000		
136	Nạo vét mở rộng hồ An Hải	UBND H.Côn đảo	B	48/NQ-HĐND-18/7/2019	21,23 ha; 614,62 ngàn m3	197.954	3.000	194.954	194.000	194.000		
137	Nâng cấp hệ thống cấp nước Cò Ong, Bến Dầm	UBND H.Côn đảo	C	75/NQ-HĐND-14/12/2018	500m3/ngày đêm	71.156	25.000	46.156	46.000	46.000		
138	Xây dựng nhà máy nước Côn Đảo công suất 3.000m3/ngày đêm	UBND H.Côn đảo	B	78/NQ-HĐND-14/1	3.000 m3/ngày đêm	94.884	35.000	59.884	59.000	59.000		
139	HTKT khu tái định cư Trung tâm Côn Đảo	UBND H.Côn đảo	C	2955/QĐ-UBND-19/10/2018	102 lô đất	34.891	21.000	13.891	13.000	13.000		
140	Trường Tiểu học Côn Đảo	UBND H.Côn đảo	B	57/NQ-HĐND-14/12/2018	17 phòng học	54.771	19.000	35.771	35.000	35.000		
141	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Côn Đảo	BQL Cảng Bến dầm	B			170.584	154.179	16.405	16.000	16.000		
142	Nhà máy xử lý rác thải Côn Đảo (Xây dựng đường vào và hàng rào)	UBND H.Côn đảo	C	1671/QĐ-UBND ngày 01/7/2019	Đường vào dài 16m và hàng rào 550m	9.108	232	8.876	8.000	8.000		
143	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải khu trung tâm Côn Đảo (giai đoạn 1)	UBND H.Côn đảo	B	56/NQ-HĐND-14/12/2018	1.000m3/ngày đêm	167.735	58.992	108.743	100.000	100.000		
145	Đường Suối Sỏi - cảnh đồng Đon	BQLDA chuyên ngành GT	B	64/NQ-HĐND-14/12/2018	4,687 km	148.569	15.200	133.369	133.000	133.000		

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm DA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Luỹ kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bố trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bố trí vốn khi có đủ thủ tục	
146	Hệ thống giao thông thông minh, giám sát tự động bằng camera trên địa bàn tỉnh Bà rịa-Vũng Tàu	Công an Tỉnh	B	63/NQ-HĐND- 14/12/2018		133.625	20.100	113.525	113.000	113.000		
148	Nâng cấp mở rộng đường Mỹ xuân-Ngãi giao-Hòa bình	BQLDA chuyên ngành GT	B	560/QĐ-UB- 07/02/05; 2071/QĐ- UB-28/6/05	20,7 km	421.156	383.811	37.345	37.000	37.000		
149	Tuyến tránh quốc lộ 55 qua xã An Nhứt huyện Long Diễn và thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ	BQLDA chuyên ngành GT	B	44/NQ-HĐND- 18/7/2019	7,89km	504.885	25.000	479.885	479.000	479.000		
150	Các bể chứa nước dung tích trên 200m ³ /bể thuộc lâm phần BQL Rừng phòng hộ	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT	C	3011/UBND-VP- 26/10/2018	12 bể chứa	23.084	8.100	14.984	14.000	14.000		
151	Chương trình đầu tư phát triển hoàn thiện hệ thống kênh mương trên địa bàn huyện Xuyên Mộc và Châu Đức	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT	C	98/HĐND-VP- 12/4/2018	XD 03 đập dâng, 02 trạm bơm và tuyến ống tưới, DT tưới 450 ha	18.113	0	18.113	18.000	18.000		
152	Dự án đầu tư 01 xe phát thanh lưu động	Đài PTTH tỉnh	C	2837A/QĐ-UBND- 28/10/2019		13.016	5.550	7.466	7.400	7.400		
153	Dự án thiết bị lưu trữ tư liệu phát thanh, truyền hình	Đài PTTH tỉnh	C	86/NQ-HĐND- 25/10/2019		44.366	12.596	31.770	31.000	31.000		
154	Dự án mua sắm phương tiện chứa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho CS PCCC	Công an Tỉnh	B	373/HĐND-VP- 11/10/2016		236.963	197.000	39.963	39.000	39.000		
158	Kênh nội đồng hồ chứa nước sông Ray.	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT	B		83,24 km; tưới 7.340 ha	417.942	217.314	200.628	200.000	200.000		



Đánh mục dự án		Chủ đầu tư	Nhóm DA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
159	XD mới BV thành phố Vũng tàu	BQLDA Chuyên ngành DD và CN	A		350 giường	1.094.441	767.871	326.570	300.000	300.000		
160	Trang thiết bị BV đa khoa Vũng tàu	Sở Y tế	B	460/HĐND-VP-10/11/2017		465.130	200.000	265.130	265.000	265.000		
C <u>Dự án mở mới</u>									10.290.000	2.343.300	7.946.700	
Dự án hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025												
1	Chung cư tái định cư thuộc khu tái định cư Tây Bắc đường AIII TPVT	UBND TP Vũng tàu	B	34/NQ-HĐND-04/8/2020	646 căn hộ	615.609			600.000	600.000		
2	Xây dựng bổ sung khu thể thao và sửa chữa Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	BQLDA Chuyên ngành DD và CN	C	82/NQ-HĐND-29/10/2020		44.241			44.000	44.000		
3	Trường tiểu học Bùi Thị Xuân huyện Châu Đức	UBND H.Châu Đức	C	49/NQ-HĐND-04/8/2020	12 phòng học	41.434			40.000	40.000		
4	Xây dựng đường băng cố định kết hợp giao thông phục vụ công tác tuần tra bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng tại khu vực núi Minh Đạm huyện Long Điền (giai đoạn 2)	BQL rừng phòng hộ tỉnh BR-VT	C	62/NQ-HĐND-04/8/2020	2.8km	28.945			28.000	28.000		
5	Trường Mầm non Phước Hưng 3, huyện Long Điền	UBND H.Long Điền	B	55/NQ-HĐND-04/8/2020	12 nhóm lớp	73.077			70.000	70.000		

S T T	Đanh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm ĐA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Luỹ kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ tri vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ tri vốn khi có đủ thủ tục	
6	Trường THPT Mỹ Xuân TX Phú Mỹ	BQLDA Chuyên ngành DD và CN	B	63/NQ-HĐND- 04/8/2020	30 lớp học	93.095			90.000	90.000		
7	Trường tiểu học Phú Mỹ 2 TX Phú Mỹ	UBND TX Phú Mỹ	B	60/NQ-HĐND- 04/8/2020	30 phòng học	73.432			70.000	70.000		
8	Công trình bảo vệ bờ biển Hố Trầm	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT	B	418/HĐND-VP- 18/10/2016	2.360m	114.448			100.000	100.000		
9	Dự án ổn định dân cư cấp bách ấp Bình Hải xã Bình Châu, huyện Xuyên Mộc	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT	C	2819/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	520 m kê bảo vệ	27.607			25.000	25.000		
10	Trường mầm non Xuyên Mộc 2	UBND H.Xuyên mộc	C	17/NQ-HĐND- 20/4/2020	8 nhóm lớp	45.352			45.000	45.000		
11	Bến cập tàu tại Hòn Bảy cạnh, Hòn Cau, Hòn Tre lớn	Vườn QG Côn đảo	B	43/NQ-HĐND- 18/7/2019	3 cầu tàu dài 35m	65.048			65.000	65.000		
12	Hồ chứa nước Đất Dốc	Vườn QG Côn đảo	B	37/NQ-HĐND ngày 18/7/2019	170,78 ngàn m3	89.029			80.000	80.000		
13	04 bể chứa nước phòng chống cháy rừng tại Côn Đảo thuộc Vườn quốc gia Côn Đảo	Vườn QG Côn đảo	C	3783/QĐ-UBND ngày 31/12/2019	4x250m3	7.596			7.000	7.000		
14	Bảo tồn tôn tạo di tích lịch sử Côn Đảo	Sở VH và TT	B	25/NQ-HĐND ngày 4/8/2020		142.980			140.000	140.000		
15	Trạm kiểm lâm Đất Thảm	Vườn QG Côn đảo	C	3782/QĐ-UBND ngày 31/12/2019	209m2	13.232			5.000	5.000		Vốn NS 5,0 tỷ đồng
16	Trụ sở cảnh sát PCCC huyện Côn Đảo	Công an Tỉnh	C	54/NQ-HĐND- 04/8/2020	901 m2	41.316			40.000	40.000		



STT	Đánh mức dự án	Chủ đầu tư	Nhóm DA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
17	Hỗ trợ xây dựng doanh trại đồn biên phòng Côn Đảo (đồn 540)	BCH Bộ đội Biên Phòng tỉnh	C		2.933m2 + HTKT	60.000			30.000	30.000		Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 25/10/2019 của HĐND tỉnh TMDT 60.000 triệu đồng, trong đó: +Ngân sách QP 30.000 triệu đồng +Nguồn vốn ngân sách tỉnh 30.000 triệu đồng
18	Trồng, chăm sóc rừng và cây phân tán năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	Sở NN và PTNT	C	65/NQ-HĐND-04/8/2020		4.391			4.300	4.300		
19	Mở rộng tuyến ống cấp nước cho khu vực xã Sông Xoài thuộc thị xã Phú Mỹ và khu vực huyện Đất Đỏ	TTNSH&VSMT	C	53/NQ-HĐND-04/8/2020	54,14km	27.303			27.000	27.000		
20	Đầu tư các tuyến cấp nước sinh hoạt cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh	TTNSH&VSMT	C	41/NQ-HĐND-04/8/2020	55.240 m; cấp nước 890 hộ	28.598			28.000	28.000		

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm ĐA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Luỹ kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ tri vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ tri vốn khi có đủ thủ tục	
21	Mở rộng tuyến ống cấp nước cho khu vực xã Xuân Sơn, Sơn Bình, Bàu Chinh, xã Bình Giả, Bình Trung, Quảng Thành thuộc huyện Châu Đức và khu vực xã Tân Lâm, xã Hòa Hội và xã Hòa Hưng, huyện Xuyên Mộc	TTNSH&VSMT	C	52/NQ-HĐND-04/8/2020	137,545km	55.414			55.000	55.000		
22	Tuyến ống chuyển tải Hắc Dịch-Sông Xoài-Lăng Lớn và khu vực ven biển Lộc An-Phước Thuận	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT	B	47/NQ-HĐND-04/8/2020	39,4km	119.801			110.000	110.000		
23	Nút giao đường 30/4 và đường Bình Giả TPVT	Sở GTVT			Cầu vượt 200m	175.000			175.000		175.000	Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND Tỉnh cho phép chuẩn bị đầu tư
24	Chung cư tái định cư tại Khu tái định cư phường Thăng Nhất	UBND TP Vũng tàu			306 căn hộ	357.963			300.000		300.000	
25	Cải tạo sửa chữa Trường THPT Nguyễn Huệ thành phố Vũng Tàu	BQLDA Chuyên ngành DD và CN				48.000			48.000		48.000	Công văn số 9381/UBND-VP ngày 01/9/2020 của UBND tỉnh
26	Trường Tiểu học Nguyễn An Ninh	UBND TP Vũng tàu			30 phòng học	100.000			100.000		100.000	
27	Trường THCS Nguyễn An Ninh	UBND TP Vũng tàu			40 phòng học	182.046			150.000		150.000	
28	Trường Tiểu học Phường 2	UBND TP Vũng tàu			30 phòng học	100.000			100.000		100.000	



STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm DA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bố trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bố trí vốn khi có đủ thủ tục	
29	Xây dựng Trung tâm Y tế thành phố Vũng Tàu	UBND TP Vũng tàu				90.000			90.000		90.000	
30	Trụ sở Hải Đội dân quân thường trực	BCHQS tỉnh				80.000			80.000		80.000	
31	Đầu tư hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt tại khu vực đường Hạ Long, Phường 2, thành phố Vũng Tàu	UBND TP Vũng tàu			Hệ thống thoát nước phi 300 nối Nghi Phong đến trạm bơm Công viên Bãi trước, chiều dài 3km	32.000			32.000		32.000	
32	Nâng cấp, sửa chữa tuyến kênh N2 Đập Bà (đoạn từ Đập Bà đến HTX Phước Lập) thuộc xã Long Phước, thành phố Bà Rịa	Chi cục Thủy lợi			3,0 km	70.000			70.000		70.000	Văn bản số 3567/UBND-VP ngày 13/4/2020
33	Khu Tái định cư phường Long Toàn	UBND TP Bà rịa			- Tổng diện tích: 6,78 ha; - Tổng số Nhà liên kế: 320 lô	249.160			150.000		150.000	
34	Sửa chữa Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	BQLDA Chuyên ngành DD và CN				30.000			30.000		30.000	Chủ đầu tư đề xuất mới
35	Mở rộng, cải tạo và nâng cấp Trung tâm y tế thành phố Bà Rịa	UBND TP Bà rịa				50.000			50.000		50.000	

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm ĐA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Luỹ kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bố trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bố trí vốn khi có đủ thủ tục	
36	Trụ sở ban tiếp công dân tỉnh tại Bà Rịa	BQLDA Chuyên ngành DD và CN			1.232,7 m2	25.651			25.000		25.000	Nghị quyết số 89/NQ- HĐND ngày 25/10/2019 của HĐND tỉnh cho phép chuẩn bị đầu tư
37	Xử lý môi trường bãi rác Công Tráng	UBND TP Bà Rịa			4,26 ha	36.537			36.000		36.000	
38	Cứng hóa mái đập công trình hồ chứa nước Tầm Bò	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT				40.000			40.000		40.000	Văn bản số 3307/UBND- VP ngày 6/4/2020
39	Trường THPT Nguyễn Trãi, huyện Châu Đức	BQLDA Chuyên ngành DD và CN	C	87/NQ-HĐND- 29/10/20209		42.348			40.000	40.000		Nghị quyết số 89/NQ- HĐND ngày 25/10/2019 của HĐND tỉnh cho phép chuẩn bị đầu tư
40	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Kim Long, Trường Tiểu học Nghĩa Thành, Trường Tiểu học Quảng Thánh, Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn, Trường THCS Châu Đức	UBND H.Châu Đức			2 ha	80.000			80.000		80.000	Công văn số 11442/UBND ngày 05/11/2019, 12846/UBND ngày 10/12/2019 của UBND tỉnh
41	Trường Mầm non xã Suối Nghệ	UBND H.Châu Đức				30.000			30.000		30.000	Công văn số 11442/UBND ngày 05/11/2019, 12846/UBND ngày 10/12/2019 của UBND tỉnh



	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm DA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
42	Trường THCS Trần Hưng Đạo	UBND H.Châu Đức				55.000			55.000		55.000	Công văn số 11975/UBND-VP ngày 19/11/2019 của UBND tỉnh
43	Trường Mầm non Nghĩa Thành cơ sở 2	UBND H.Châu Đức				40.000			40.000		40.000	Công văn số 12846/UBND ngày 10/12/2019 của UBND tỉnh
44	Cải tạo mở rộng tượng đài chiến thắng Bình Giả huyện Châu Đức	UBND H.Châu Đức			3 ha	55.000			55.000		55.000	CV 11975/UBND-VP ngày 19/11/2019 của UBND tỉnh đồng ý chủ trương bổ sung danh mục
45	Xây dựng công trình bảo vệ khu dân cư bằng kè biển Phước An, xã Phước Hưng, huyện Long Điền	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT			2,6 km	117.515			100.000		100.000	- Bổ trí CBĐT tại QĐ số 3456/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh.
46	HTKT khu tái định cư số 2 xã Phước Tỉnh	UBND H.Long Điền							80.000		80.000	
47	Cải tạo sửa chữa Trường THPT Trần Văn Quan	BQLDA Chuyên ngành DD và CN				36.000			36.000		36.000	Công văn số 9381/UBND-VP ngày 01/9/2020 của UBND tỉnh
48	Dự án ổn định dân cư cấp bách thị trấn Phước Hải, Đất Đỏ	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT							50.000		50.000	

S T T	Đanh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm ĐA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
49	Sửa chữa, nâng cấp đường quản lý hệ thống kênh thuộc dự án Hồ chứa nước sông Ray trên địa bàn huyện Châu Đức	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT			4,5 km	15.000			15.000		15.000	Nghị quyết số 64/NQ- HĐND ngày 4/8/2020 của HĐND Tỉnh cho phép chuẩn bị đầu tư
50	Nạo vét sông Bã Đập huyện Đất Đỏ (đoạn từ Đập Quay đến Cửa Lộc An)	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT			3 km	80.000			80.000		80.000	Văn bản số 3501/UBND- VP ngày 10/4/2020
51	Cải tạo sửa chữa Trường THPT Dương Bạch Mai, huyện Đất Đỏ	BQLDA Chuyên ngành ĐD và CN				45.000			45.000		45.000	Công văn số 9381/UBND-VP ngày 01/9/2020 của UBND tỉnh
52	Trường Mầm non Phước Hải 4	UBND H.Đất Đỏ				60.000			60.000		60.000	Quyết định số 3456/QĐ- UBND ngày 16/12/2025 của UBND tỉnh; đang kêu gọi xã hội hóa
53	Trường Tiểu học Phước Hải 4	UBND H.Đất Đỏ				45.000			45.000		45.000	Tờ trình số 82/TTr- UBND ngày 01/6/2020 của UBND huyện Đất Đỏ
54	Nâng cấp, cải tạo đường 965	BQLDA GT k/v cảng Cái Mép- Thị Vải			8,5 km	167.000			160.000		160.000	Nghị quyết số 64/NQ- HĐND ngày 4/8/2020 của HĐND Tỉnh cho phép chuẩn bị đầu tư



 Danh mục dự án		Chủ đầu tư	Nhóm DA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyên sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
55	XD công số 4 dẽ Chu Hải và 2 công tiêu thoát nước trên tuyến dẽ Phước Hòa và Chu Hải	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT				30.000			30.000		30.000	Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 25/10/2019 của HĐND tỉnh cho phép chuẩn bị đầu tư
56	Nâng cấp nhà máy cấp nước Châu Pha	TTNSH&VSMT			20.000 m ³ /ng.đ: 7.800m (D400 - D450)	41.000			40.000		40.000	Chủ đầu tư đề xuất mới
57	Trường THPT xã Châu Pha, Tóc Tiên	BQLDA Chuyên ngành DD và CN			30 phòng học	95.000			95.000		95.000	Chủ đầu tư đề xuất mới
58	Trường THPT phường Tân Phước, Phước Hòa	BQLDA Chuyên ngành DD và CN			30 phòng học	95.000			95.000		95.000	Chủ đầu tư đề xuất mới
59	Trường Tiểu học Mỹ Xuân 2 thị xã Phú Mỹ	UBND TX Phú Mỹ	B	88/NQ-HĐND-29/10/2020	30 phòng học	121.358			120.000	120.000		
60	Trường Tiểu học Tân Phước 2	UBND TX Phú Mỹ			20 lớp	47.482			47.000		47.000	
61	Trường Tiểu học Phước Hòa	UBND TX Phú Mỹ			20 lớp	45.882			45.000		45.000	
62	Trường Tiểu học Khu dân cư số 9	UBND TX Phú Mỹ			20 lớp	37.500			37.000		37.000	
63	Trường THCS Mỹ Xuân-Hải Dịch	UBND TX Phú Mỹ			20 phòng học	141.000			140.000		140.000	
64	Nhà văn hóa truyền thống đồng bào dân tộc Châu Ro thị xã Phú mỹ	UBND TX Phú Mỹ			2ha	42.545			42.000		42.000	

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm ĐA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Luỹ kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
65	Nâng cấp nhà máy cấp nước Sông Hòa	TTNSH&VSMT			4.600 m3/ng.đ; 14.000m (D250 - D350)	40.000			40.000		40.000	Chủ đầu tư đề xuất mới
66	Trường Mầm non Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc	UBND H.Xuyên mộc			12 nhóm lớp	73.077			70.000		70.000	Quyết định số 3456/QĐ- UBND ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh; đang kêu gọi xã hội hóa
67	Trường mầm non Tân Lâm 2	UBND H.Xuyên mộc			10 nhóm lớp	60.000			60.000		60.000	Quyết định số 3456/QĐ- UBND ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh
68	Trường mầm non Bình Châu 3	UBND H.Xuyên mộc			10 nhóm lớp	60.000			60.000		60.000	Quyết định số 3456/QĐ- UBND ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh
69	Trường mầm non Hoà Hiệp 3	UBND H.Xuyên mộc			10 nhóm lớp	60.000			60.000		60.000	Quyết định số 3456/QĐ- UBND ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh
70	Trường Mầm non xã Phước Thuận huyện Xuyên Mộc	UBND H.Xuyên Mộc			12 nhóm lớp	60.000			60.000		60.000	Nghị quyết số 111/NQ- HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh



STT	Hạng mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm DA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ tri vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ tri vốn khi có đủ thủ tục	
71	Trường Tiểu học Láng Sim huyện Xuyên Mộc	UBND H.Xuyên Mộc				80.000			80.000		80.000	Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh
72	Khu nhà ăn - nghỉ trưa cho học sinh của 4 trường tiểu học trên địa bàn (Trường TH Thống Nhất; Trường TH Bàu Lát; Trường TH Hòa Bình; Trường TH Lương Thế Vinh	UBND H.Xuyên Mộc				45.000			45.000		45.000	Công văn số 5290/UBND-VP ngày 25/9/2019 của UBND huyện Xuyên Mộc
73	Nâng công suất nhà máy nước sinh hoạt lên 6.000m3/ngày đêm	UBND H.Côn đảo			Công suất nâng thêm 3.000 m3/ngày đêm	70.000			70.000		70.000	
74	Chung cư tái định cư	UBND H.Côn đảo			50 căn hộ	83.000			80.000		80.000	
75	Cơ sở hạ tầng khu tái định cư theo quy hoạch Trung tâm Côn Đảo khu 9A giai đoạn 2 (bao gồm các tuyến đường nối vào chung cư nhà ở XH)	UBND H.Côn đảo			Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu 9a giai đoạn 2, diện tích 6,56 ha	138.690			130.000		130.000	
76	Trường THCS khu dân cư số 3	UBND H.Côn đảo				70.000			70.000		70.000	Báo cáo số 304/BC-UBND ngày 24/10/2019 của UBND huyện Côn Đảo

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm ĐA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
77	Trường Mầm non khu dân cư số 3	UBND H.Côn đảo				60.000			60.000		60.000	Báo cáo số 304/BC- UBND ngày 24/10/2019 của UBND huyện Côn Đảo
78	Xây dựng Trường cấp I+II khu Bến Đầm	UBND H.Côn đảo				40.000			40.000		40.000	Báo cáo số 304/BC- UBND ngày 24/10/2019 của UBND huyện Côn Đảo
79	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm y tế quần dân y huyện Côn Đảo	BQLĐA Chuyên ngành DD và CN			100 giường bệnh	100.000			100.000		100.000	Nghị quyết số 89/NQ- HĐND ngày 25/10/2019 của HĐND tỉnh cho phép chuẩn bị đầu tư
80	Xây dựng nghĩa trang nhân dân Côn Đảo	BQLĐA Chuyên ngành DD và CN			21 ha	20.000			20.000		20.000	
81	Xây dựng kho lương dựn trên địa bàn huyện Côn Đảo (kho LTTP)	BCHQS tỉnh				75.000			75.000		75.000	Văn bản số 7497/UBND- VP ngày 22/7/2020 của UBND tỉnh Đề án Chỉ viện phòng thủ cho Côn Đảo. (ĐA cấp bách)



	 Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm DA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
82	Tuyến ống chuyển tải từ thị trấn Đất Đỏ cấp cho khu vực xã Láng Dài, Lộc An và Xuân Sơn cấp cho khu vực Suối Rao, Đá Bạc	TTNSH&VSMT			32.600 m ống (D150 - D500)	124.000			120.000		120.000	Chủ đầu tư đề xuất mới
83	Tuyến ống chuyển tải Bình Giả - Quảng Thành; Đá Bạc - Suối Nghệ; Long Tân - Hòa Long; Hòa Bình - Xuyên Mộc; Sông Xoài - Cù Bị; Thị trấn Đất Đỏ - Phước Hội; Long Mỹ - Tam Phước	TTNSH&VSMT			49.100 m ống (D200 - D400)	102.000			100.000		100.000	Chủ đầu tư đề xuất mới
84	Tuyến ống chuyển tải: Long Tân - Đá Bạc; Suối Nghệ - Hòa Long.	TTNSH&VSMT			19.200 m ống (D150 - D300)	40.000			40.000		40.000	Chủ đầu tư đề xuất mới
85	Trang thiết bị y tế cho các dự án: Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế huyện Xuyên Mộc; dự án Xây mới Trung tâm Y tế huyện Châu Đức; dự án Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Chẩn đoán y khoa cũ thành Bệnh viện Mắt và dự án Cải tạo Trung tâm Y tế huyện Long Điền cũ thành Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Sở Y tế				150.000			150.000		150.000	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 26/3/2019 của HĐND tỉnh

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm ĐA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
86	Đầu tư thiết bị tổng không chế, giám sát và điều phối hình ảnh	Đài PTTH tỉnh				27.500			27.000		27.000	Công văn số 705/PTTH- KHTV ngày 18/12/209 của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh
87	Đầu tư bổ sung thiết bị tiền kỹ, hậu kỹ sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình mở rộng (giai đoạn 2)	Đài PTTH tỉnh				78.300			75.000		75.000	Công văn số 705/PTTH- KHTV ngày 18/12/209 của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh
88	Trung tâm chỉ huy thống nhất tỉnh	Công an tỉnh				34.000			34.000		34.000	TBKL số 535/TB-UBND của UBND tỉnh thống nhất danh mục đầu tư
Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn sau												
89	Đường quy hoạch Biệt Chính 2 (đường vào trường THCS Hàn Thuyên) TPVT	UBND TP Vũng tàu	B	60/NQ-HĐND- 14/12/2018	602 m	106.270			50.000	50.000		
90	Cải tạo, nâng cấp các nút giao: Ngã Năm đường Lê Hồng Phong, Ngã tư giếng nước và Tượng đài đầu khí TPVT	Sở GTVT				450.000			50.000		50.000	Nghị quyết số 111/NQ- HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND Tỉnh cho phép chuẩn bị đầu tư
91	Mở rộng khu tái định cư 10ha trong 58ha, phường 10	UBND TP Vũng tàu			10,2ha	450.000			150.000		150.000	



STT	Định mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm DA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bố trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bố trí vốn khi có đủ thủ tục	
92	Trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT tỉnh BR-VT (đổi tên thành Khu liên hợp TDTT tỉnh BR-VT)	BQLDA Chuyên ngành DD và CN			Diện tích khoảng 45ha	2.000.000			200.000		200.000	Quyết định số 3456/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh
93	Nâng cấp, mở rộng Hương lộ 2, thành phố Bà Rịa	BQLDA chuyên ngành GT			3,17 km	273.017			100.000		100.000	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 4/8/2020 của HĐND Tỉnh cho phép chuẩn bị đầu tư
94	Mở rộng đường Phú Mỹ - Tóc Tiên (từ khu TDC 105 ha đến đường Hắc Dịch - Tóc Tiên - Châu Pha)	UBND TX Phú Mỹ			4.750m	891.602			100.000		100.000	
95	Chung cư tái định cư Đông QL 56 phường Phước Nguyên TPBR	BQLDA Chuyên ngành DD và CN	B	52/NQ-HĐND-18/7/2019	182 căn hộ	180.443			80.000	80.000		
96	Khu Tái định cư phường Long Hương, thành phố Bà Rịa	UBND TP Bà Rịa			- Tổng diện tích: 11,4 ha; - Tổng số Nhà liên kết: khoảng 340 lô	503.093			180.000		180.000	
97	Đập tràn sông Dinh (đập giữ nước)	UBND TP Bà Rịa				148.677			75.000		75.000	

S T T	Đanh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm ĐA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Luỹ kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
98	Cung Văn hóa Thanh thiếu nhi tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	BQLDA Chuyên ngành ĐD và CN				200.000			80.000		80.000	Thông báo số 2291- TB/TU ngày 09/3/2020 của Tỉnh ủy; Công văn số 346/QLDA-KHTH ngày 26/5/2020 của Ban QLDA chuyên ngành ĐD&CN
99	Cải tạo nâng cấp và mở rộng trụ sở Đài PTTH tỉnh	BQLDA Chuyên ngành ĐD và CN			7000 m2 sân	117.000			80.000		80.000	- Bổ trí CBĐT tại QĐ số 3456/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh.
100	Hồ chứa nước sông Cầu	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT				212.516			120.000		120.000	Nghị quyết số 89/NQ- HĐND ngày 25/10/2019 của HĐND tỉnh cho phép chuẩn bị đầu tư.
101	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phía Nam thị trấn Ngãi Giáo huyện Châu Đức	UBND H.Châu Đức	B	90/NQ-HĐND- 29/10/2020	23 ha	225.595			150.000		150.000	NQ 89/NQ-HĐND ngày 25/10/2019 của HĐND tỉnh phê chuẩn bổ sung danh mục dự án đầu tư công cho phép chuẩn bị đầu tư năm 2019
102	HTKT khu TTCN Ngãi Giáo phục vụ di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm trên địa bàn Thị trấn Ngãi Giáo và Thị trấn Kim Long	UBND H.Châu Đức			9 ha	90.000			52.700		52.700	CV 11975/UBND-VP ngày 19/11/2019 của UBND tỉnh đồng ý chủ trương bổ sung danh mục



Hạng mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm DA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
								Tổng số	Trong đó		
									Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
103	Nâng cấp mở rộng đường Tỉnh lộ 44A - giai đoạn 1 thị trấn Long Điền - xã An Ngãi - xã Phước hưng	UBND H.Long Điền		7.600m MC 8m+10m+2m+10m+8m = 38m	500.000			180.000		180.000	Tờ trình UBND huyện Long Điền số 7384/TTr-UBND ngày 28/8/2020 - Kết luận cuộc họp của Thường trực Huyện Ủy Long Điền ngày 26/8/2020
104	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư số 1 Phước Hưng	UBND H.Long điền		111,1ha	761.800			300.000		300.000	Nghị quyết của HĐND cho phép triển khai các thủ tục đầu tư công tại Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 25/10/2019 của HĐND tỉnh
105	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư số 3 Long Điền	UBND H.Long điền		28 ha	588.000			150.000		150.000	- Nghị quyết của HĐND cho phép triển khai các thủ tục đầu tư công tại Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 25/10/2019 của HĐND tỉnh - UBND huyện Long Điền đang hoàn chỉnh lại hồ sơ dự án theo đề nghị của HĐTD báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư tại TBKL số 62/TB-SKHĐT ngày 24/6/2020

S T T	Đanh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm ĐA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Luỹ kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
106	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư số 2 Long Hải (giai đoạn 1)	UBND H.Long diễn			16 ha	180.000			100.000		100.000	- Công văn số 5304/UBND-VP ngày 03/6/2019 của UBND tỉnh - TBKL số 533/TB- UBND ngày 20/8/2019 của UBND tỉnh
107	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Phú Mỹ giai đoạn 2, TX Phú Mỹ	UBND TX Phú Mỹ	B	58/NQ-HĐND- 04/8/2020	36,24 ha; 240 căn hộ và 658 lô đất	910.276			250.000	250.000		
108	Nhà ở xã hội huyện Côn Đảo	UBND H.Côn đảo	B	39/NQ-HĐND- 4/8/2020	120 căn hộ	165.442			100.000	100.000		
109	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải khu trung tâm Côn Đảo giai đoạn 2	UBND H.Côn đảo			Nâng thêm công suất Trạm xử lý nước thải đạt 3.500 m3/ngày đêm; chiều dài tuyến ống 13,7km; 03 trạm bơm trung chuyển	122.000			70.000		70.000	
110	Đầu tư kiến cố hóa tuyến kênh từ đầu cống mương Bông (cầu Đất Đỏ) đến đập Ngã Hai, huyện Đất Đỏ và Long Điền	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT			5,7 km	120.000			85.000		85.000	Văn bản số 9201/UBND- VP ngày 12/9/2019



STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm DA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bố trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bố trí vốn khi có đủ thủ tục	
111	Mở rộng mạng lưới phân phối nước nông thôn	TTNSH&VSMT			398.028 m ống (D63 - D110)	226.000			100.000		100.000	Chủ đầu tư đề xuất mới
112	Nâng cấp 02 nhà máy nước Đá Bàng và Sông Ray	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT				250.000			100.000		100.000	Văn bản số 8553/UBND-VP ngày 14/8/2020
113	Cải tạo nâng cấp Đường Hương lộ 3, xã Long Phước	UBND TP Bà Rịa			- Chiều dài tuyến 2.435m với mặt cắt ngang 24m	156.447			80.000		80.000	
114	Cải tạo nâng cấp Đường Hương lộ 8, xã Long Phước	UBND TP Bà Rịa			- Chiều dài tuyến 3.700m với mặt cắt ngang: +Đoạn1: 24m; Đoạn 2: 14,5m	181.872			100.000		100.000	
115	Đường Võ Văn Kiệt nối dài	UBND TP Bà Rịa			Chiều dài tuyến 5.360m	359.286			120.000		120.000	
116	Ngăn hòa lưới điện trên địa bàn thành phố Vũng Tàu (12 tuyến đường)	UBND TP Vũng tàu			12 tuyến đường với 02km trung thế và 27,33km hạ thế	300.000			150.000		150.000	
117	Khu tái định cư Ngã ba Bà Rịa	UBND TP Bà Rịa			- Tổng diện tích: 3,25 ha; - Tổng số Nhà liên kế: 126 lô.	162.417			80.000		80.000	

S T T	Đanh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm ĐA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Luỹ kế đầu tư đến hết 2020	Kl. còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
118	Khu tái định cư số 2 thị trấn Long Hải (giai đoạn 2)	UBND H.Long Điền			16 ha	180.000			100.000		100.000	TBKL số 533/TB-UBND ngày 20/8/2019 của UBND tỉnh
119	Mở rộng Trung tâm Y tế thị xã Phú Mỹ	BQLDA Chuyên ngành ĐD và CN			05 tầng, 150 giường	300.000			100.000		100.000	Góp phần hoàn thành tiêu chí đô thị loại 3 - tiêu chí về cây xanh đô thị, hướng đến thành lập thành phố Phú Mỹ theo Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 12/5/2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
120	Mua sắm trang thiết bị PCCC cho công an tỉnh và các phương tiện chữa cháy, huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho lực lượng dân phòng toàn tỉnh	Công an tỉnh				603.400			150.000		150.000	TBKL số 535/TB-UBND của UBND tỉnh thông nhất danh mục đầu tư
D	<u>Dự án chuẩn bị đầu tư để xem xét bổ trí vốn thực hiện khi có nguồn vốn</u>								<u>35.280</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	
1	Đường vành đai khu biệt thự Phương Nam-dôi Ngọc Trườ TPVT	UBND TP Vũng tàu			1,236km	87.340			100			
2	Đường quy hoạch A4 (đoạn từ đường Hàng Điều 4 đến đường 51C)	UBND TP Vũng tàu			2848m	455.819			500			
3	Cải tạo vỉa hè đường Trần Phú (đoạn từ số 222 Trần Phú đến Nhà hàng Gành Hào	UBND TP Vũng tàu			3,2km	241.870			300			



Danh mục dự án		Chủ đầu tư	Nhóm DA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
4	Đường quy hoạch AIII (đoạn từ Đường Đỗ Lương đến Đường Rạch Bà 1)	UBND TP Vũng tàu			2.052m	441.895			500			
5	Đường Biệt Chính (đoạn từ đường 30/4 đến đường 3/2)	UBND TP Vũng tàu			2.127m	610.731			1.000			
6	Đường Hàng Điều 4 (đoạn từ đường 30/4 đến đường 51B)	UBND TP Vũng tàu			1.235m	244.070			300			
7	Cải tạo, nâng cấp đường Lê Phụng Hiểu	UBND TP Vũng tàu			865,81m	672.000			800			
8	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường 28/4 xã Long Sơn	UBND TP Vũng tàu			9km	788.878			1.500			Công văn số 2825/UBND-VP ngày 25/3/2020 của UBND tỉnh
9	Đường vào căn cứ Long Sơn/Vùng 2 Hải quân	UBND TP Vũng tàu			1.890m				200			
10	Bến xe khách liên tỉnh trên Quốc lộ 51, TPVT	Sở GTVT				500.000			500			
11	Đầu tư giai đoạn 2 dự án 20km đường nội thị thành phố Bà Rịa	UBND TP Bà Rịa			Dự án gồm 15 tuyến đường với tổng chiều dài 10.047,91m	608.536			800			
12	Đường Hai Bà Trưng nối dài	UBND TP Bà Rịa			Chiều dài tuyến 1.500m	344.126			300			
13	Đường vào khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Quang Thành	UBND H.Châu Đức	B	92/NQ-H ĐND-29/10/2020	6,9km	286.771			200			
14	Đường vào khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Xuân Sơn	UBND H.Châu Đức	B	93/NQ-H ĐND-29/10/2020	4,85km	194.083			200			

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm ĐA	QĐ phê duyệt chủ trường đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
15	Đường vào khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Củ Bì	UBND H.Châu Đức	B	91/NQ-H ĐND- 29/10/2020	9,32km	453.205			500			
16	Đường Trần Hưng Đạo giai đoạn 3	UBND H.Châu Đức			3 km	250.000			300			CV 12846/UBND-VP ngày 10/12/2019 của UBND tỉnh đồng ý chủ trường bổ sung danh mục
17	Đường Kim Long-Bình Giả	UBND H.Châu Đức			8 km	180.000			200			CV 12846/UBND-VP ngày 10/12/2019 của UBND tỉnh đồng ý chủ trường bổ sung danh mục
18	Đường Láng Lớn - Nghiêu Thành	UBND H.Châu Đức			12,5 km	145.000			200			CV 11442/UBND-VP ngày 05/11/2019 của UBND tỉnh đồng ý chủ trường bổ sung danh mục
19	Đường Suối Rao - Sơn Bình	UBND H.Châu Đức			7,5 km	110.000			200			CV 11975/UBND-VP ngày 19/11/2019 của UBND tỉnh đồng ý chủ trường bổ sung danh mục
20	Đường Kim Long-Láng Lớn	UBND H.Châu Đức			7,2 km	150.000			200			CV 11442/UBND-VP ngày 05/11/2019 của UBND tỉnh đồng ý chủ trường bổ sung danh mục



STT	Đánh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm DA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bố trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bố trí vốn khi có đủ thủ tục	
21	Đường số 7-8 thị trấn Kim Long	UBND H.Châu Đức			2.5 km	130.000			200			CV 11975/UBND-VP ngày 19/11/2019 của UBND tỉnh đồng ý chủ trương bổ sung danh mục
22	Đường quy hoạch số 20 thị trấn Long Điền huyện Long Điền	UBND H.Long Điền	B	43/NQ-HĐND-04/8/2020	2.029,47 m	208.511			250			
23	Đường QH số 15 thị trấn Long Hải (giai đoạn 2)	UBND H.Long Điền			800m	97.000			100			- Nghị quyết của HĐND cho phép triển khai các thủ tục đầu tư công tại Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 25/10/2019 của HĐND tỉnh -Đã họp Hội Đồng thẩm định BC ĐXCĐTĐT
24	Đường QH số 15 và Quảng trường bãi tắm Hàng Dương Long Hải (giai đoạn 1)	UBND H.Long Điền			370m, quảng trường 9.500m2	151.000			200			- Nghị quyết của HĐND cho phép triển khai các thủ tục đầu tư công tại Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 25/10/2019 của HĐND tỉnh. Đã họp Hội Đồng thẩm định BC ĐXCĐTĐT

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm ĐA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
25	Nâng cấp mở rộng đường Cao Văn Ngọc	UBND H.Đất Đỏ			900m , MC 6+12+6=24m	85.400			100			Công văn số 10851/UBND-VP ngày 22/10/2019 của UBND tỉnh Đồng ý cho chủ trương đầu tư 2021-2025
26	Đường Quy hoạch Lê Thánh Tông,thị trấn Đất Đỏ	UBND H.Đất Đỏ			3.150m; MC 4+10,5+4=18,5	241.400			300			Công văn số 10851/UBND-VP ngày 22/10/2019 của UBND tỉnh Đồng ý cho chủ trương đầu tư 2021-2025
27	Đường Quy hoạch D3 (Trường Chinh), thị trấn Đất Đỏ	UBND H.Đất Đỏ			1.150m	78.000			100			Công văn số 8740/UBND-VP ngày 18/8/2020 của UBND tỉnh, giao SKHĐT để xuất
28	Đường Quy hoạch N9 - D12, thị trấn Phước Hải	UBND H.Đất Đỏ			700m; MC 3+9+3=15m	96.000			100			Công văn số 10970/UBND-VP ngày 25/10/2019 của UBND tỉnh Đồng ý cho chủ trương đầu tư
29	Đường Quy hoạch D15, thị trấn Phước Hải	UBND H.Đất Đỏ			850m; Mc 5+10,5+5=20,5 m	87.000			100			Công văn số 10970/UBND-VP ngày 25/10/2019 của UBND tỉnh Đồng ý cho chủ trương đầu tư
30	Đường quy hoạch D13 khu dân cư số 9 (Đường S nhánh Tây) TX Phú Mỹ	UBND TX Phú Mỹ	B	48/NQ-HĐND- 04/8/2020	6,19 km	706.351			1.000			



STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm DA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
31	Đường gom dọc theo tuyến Quốc lộ 51 qua địa bàn huyện Tân Thành	BQLDA chuyên ngành GT			7,3 km	278.142			300			Bổ trí CBĐT tại QĐ số 3456/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh
32	Đường quy hoạch T - giai đoạn 2	UBND TX Phú Mỹ			6 km	356.520			500			
33	Đường quy hoạch N11 khu Trung tâm đô thị	UBND TX Phú Mỹ			1650m	162.431			200			
34	Đường quy hoạch N12 khu Trung tâm đô thị (Đường Nguyễn Tấn Thành nối dài)	UBND TX Phú Mỹ			900m	126.228			200			
35	Đường quy hoạch số 6 thị trấn Phước Bửu huyện Xuyên Mộc	UBND H.Xuyên mộc	B	61/NQ-HĐND-04/8/2020	1.792,27 m	177.202			200			
36	Đường quy hoạch số 28-29 thị trấn Phước Bửu huyện Xuyên Mộc	UBND H.Xuyên mộc	B	59/NQ-HĐND-04/8/2020	1.410,7m	167.656			200			
37	Đường quy hoạch số 14 thị trấn Phước Bửu	UBND H.Xuyên Mộc			1,86 km	156.000			200			NQ 89/NQ-HĐND ngày 25/10/2019 của HĐND tỉnh phê chuẩn bổ sung danh mục dự án đầu tư công cho phép chuẩn bị đầu tư năm 2019.
38	Đường Trần Phú, Thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc	UBND H.Xuyên Mộc			1.167 km	160.000			200			

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm DA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
39	Đường Phan Châu Trinh, Thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc	UBND H.Xuyên Mộc			2,95 km	180.000			200			
40	Đường Trần Hưng Đạo, Thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc	UBND H.Xuyên Mộc			1,4 km	140.000			200			
41	Đường ven Sông Hòa liên xã Xuyên Mộc – Phước Bửu	UBND H.Xuyên Mộc			5,4 km	110.000			200			
42	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu trung tâm huyện Côn Đảo (hạng mục xây dựng một số tuyến đường mới tại Khu dân cư số 3 theo quy hoạch) giai đoạn 2	UBND H.Côn đảo			Đầu tư xây dựng 09 tuyến đường, tổng chiều dài 3.624m	295.832			500			
43	Đường Ngô Gia Tự kéo dài đến khu dân cư số 3 theo quy hoạch	UBND H.Côn đảo			Tổng chiều dài tuyến 603m	148.220			200			
44	Đường trục chính Bà Rịa - Vũng Tàu	BQLDA GT k/v cảng Cái Mép- Thị Vải			9,55 km	3.083.000		3.083.000	2.500			
45	Xây dựng mới đê Hải Đăng, thành phố Vũng Tàu	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT			3.871 m	421.000			500			Nghị quyết số 07/NQ- HĐND ngày 20/4/2020 của HĐND Tỉnh cho phép chuẩn bị đầu tư- Đầu tư nguồn vốn TW



	 Định mức dự án	Chủ đầu tư	Nhóm DA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
46	Sửa chữa, nâng cấp đường quản lý hệ thống kênh thuộc dự án Hồ chứa nước sông Ray trên địa bàn huyện Châu Đức	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT			12.080 km	100.000			200			Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 4/8/2020 của HĐND Tỉnh cho phép chuẩn bị đầu tư
47	Xây dựng hồ chứa nước Sông Ray 2, xã Sơn Bình, huyện Châu Đức	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT				1.200.000			1.500			Văn bản số 4499/UBND-VP ngày 7/5/2020
48	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường nội đồng dọc 02 kênh Bà Đáp đoạn xã Phước Hội và thâm nhựa các đoạn đường nội đồng tiếp giáp Quốc lộ, tỉnh lộ huyện Đất Đỏ	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT			14Km	55.000			100			Văn bản số 9242/UBND-VP ngày 12/9/2019
49	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tiêu Bà Đáp (đoạn từ cầu Đất Đỏ đến đập Quay xã Phước Hội, huyện Đất Đỏ	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT			32 km	450.000			500			Văn bản số 4492/UBND-VP ngày 7/5/2020
50	Nâng cấp đê Chu Hải	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT			Ngân mặn 3.900ha	184.971			200			Lập dự án để xin vốn TW
51	Hồ chứa nước ngọt Bưng Bèo-Cò Ông (Các hồ chứa nước ngọt Côn Đảo)	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT							200			

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm DA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
52	Hồ chứa nước Ông Cầu	Vườn QG Côn đảo			83.800m ³	74.000			200			Nghị quyết số 111/NQ- HDND ngày 13/12/2019 cho phép lập báo cáo đề xuất chủ trương dự án., Vốn TW 2021-2025
53	Đường tuần tra kết nối hệ thống cột mốc ranh giới đất rừng Vườn quốc gia Côn Đảo	Vườn QG Côn đảo			17.2 km	50.000			100			Vốn TW 2021-2025
54	Ngầm hóa lưới điện hạ thế khu vực trung tâm TPVT giai đoạn 2021-2025	UBND TP Vũng tàu	B	33/NQ-HDND- 04/8/2020		201.728			200			
55	Ngầm hóa lưới điện trên địa bàn thành phố Vũng Tàu (12 tuyến đường)	UBND TP Vũng tàu			12 tuyến đường với 02km trung thế và 27,33km hạ thế	300.000			200			
56	Ngầm hóa lưới điện đường 3/2, thành phố Vũng Tàu	BQLDA Chuyên ngành ĐD và CN			10 km	120.000			100			Văn bản số 13528/UBND-VP ngày 27/12/2019 của UBND Tỉnh
57	Cải tạo tuyến mương thoát nước chính thành phố Vũng Tàu	BQLDA Chuyên ngành ĐD và CN			6,6 km	300.000			300			Nghị quyết số 89/NQ- HDND ngày 25/10/2019 của HDND tỉnh cho phép chuẩn bị đầu tư



STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm DA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ tri vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ tri vốn khi có đủ thủ tục	
58	Bãi đậu xe công viên Tao Phùng	UBND TP Vũng tàu			4,3 ha	89.822			100			Thông báo số 349/TB-UBND ngày 24/6/2019 của UBND tỉnh
59	Kè hai bờ sông Dinh đoạn từ cầu Điện Biên Phủ đến cầu Nhà máy nước	UBND TP Bà Rịa			Kè bao vệ bờ sông bằng BTCT M250 dài khoảng 1.760m.	1.305.603			1.350			
60	Khu tái định cư xã Tân Hưng, thành phố Bà Rịa	UBND TP Bà Rịa			- Tổng diện tích: 7,8 ha; - Tổng số Nhà liên kết: khoảng 220 lô	262.985			300			
61	Ngâm hóa lưới điện hạ thế trên địa bàn thành phố Bà Rịa giai đoạn 2021-2025	BQLDA Chuyên ngành DD và CN			53,6 km	187.600			200			Văn bản số 13237/UBND-VP ngày 19/12/2019 của UBND Tỉnh
62	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư số 2 Phước Hưng	UBND H.Long Điền			80 ha	900.000			1.000			TBKL số 533/TB-UBND ngày 20/8/2019 của UBND tỉnh
63	Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Hắc Dịch 2	UBND TX Phú Mỹ			25ha	650.000			300			
64	Dải cây xanh cách ly giữa Quốc lộ 51 với các khu công nghiệp	UBND TX Phú Mỹ			28ha	200.000			200			

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm ĐA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Luỹ kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
65	Nghĩa trang liên xã Bình Châu - Bung Riềng - Bông trang - Hòa Hội - Hòa Hiệp, huyện Xuyên Mộc	UBND H.Xuyên Mộc			9,9 ha	80.000			100			CV 2497/UBND-VP ngày 19/03/2020 của UBND tỉnh giao Sở KH&ĐT chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan bố trí vốn đầu tư công để thực hiện
66	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu Trung tâm Côn Đảo (Xây dựng một số tuyến đường mới tại khu dân cư số 3)	UBND H.Côn đảo	B	70/NQ-HĐND- 14/12/2018	4 tuyến đường; 3.252 m	540.548			1.000	0		
67	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu Bến Đầm và hệ thống thu gom và xử lý nước thải khu Bến Đầm	UBND H.Côn đảo			Tổng công suất xử lý 1.300 m3/ngày đêm; tổng chiều dài tuyến ống 3,3km; 01 trạm bơm	303.320			300			
68	Đầu tư thiết bị dạy và học ngoại ngữ	Sở GD và ĐT				160.219			100			
69	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử địa đạo Kim Long huyện Châu Đức	UBND H.Châu Đức			02 ha	67.000			100			NQ 89/NQ-HĐND ngày 25/10/2019 của HĐND tỉnh phê chuẩn bổ sung danh mục dự án đầu tư công cho phép chuẩn bị đầu tư năm 2019



STT	Hành mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm DA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
70	Trung tâm văn hóa, thể thao - học tập cộng đồng thị trấn Đất Đỏ	UBND H.Đất Đỏ			Nhà làm việc 02 tầng, nhà thi đấu, sân khấu ngoài trời...	33.000			50			Công văn số 12964/UBND-VP ngày 12/12/2019 của UBND tỉnh Đồng ý cho chủ trương đầu tư 2021-2025
71	Trùng tu tôn tạo địa đạo Hắc Dịch	UBND TX Phú Mỹ			21.02ha	189.848			200			
72	Xây dựng giai đoạn 2 Trung tâm VH-TT huyện Côn Đảo	UBND H.Côn đảo			Diện tích khu đất xây dựng khoảng 4.382ha	42.960			50			
73	Tôn tạo di tích văn hóa đường vào công nghĩa trang Hàng Dương	UBND H.Côn đảo			công suất xử lý 1.300 m3/ngày đêm	407.000			300			
74	Cải tạo, mở rộng Trung tâm Xã hội theo mô hình bảo trợ xã hội tổng hợp	BQLDA Chuyên ngành DD và CN			800 đối tượng	50.000			50			Chủ đầu tư đề xuất mới
75	Hạ tầng kỹ thuật trung tâm hành chính thành phố Vũng Tàu	UBND TP Vũng tàu			San lấp và xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ trên DT khoảng 5ha	87.000			100			
76	Xây dựng trung tâm hành chính thành phố Vũng Tàu	UBND TP Vũng tàu			DT sân khoảng 40.843 m ²	812.000			1.000			

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm ĐA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
77	Trụ sở các đơn vị sự nghiệp của tỉnh tại Bà Rịa (công trình kiến trúc và hạ tầng)	BQLDA Chuyên ngành DD và CN			30.080 m2 sàn	798.000			500			- Bổ trí CBĐT tại QĐ số 3456/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh.
78	Cải tạo, mở rộng trụ sở UBND thành phố Bà Rịa	UBND TP Bà Rịa				134.981			100			
79	Trụ sở làm việc UBND thị trấn Kim Long	UBND H.Châu Đức			2 ha	63.000			100			CV 11442/UBND-VP ngày 05/11/2019 của UBND tỉnh đồng ý chủ trương bổ sung danh mục
80	HTKT trung tâm hành chính TX Phú Mỹ giai đoạn	UBND TX Phú Mỹ	B	81/NQ-HĐND-25/10/2019	296.814 m2; 2.673,27m đường giao thông	558.242			580			
81	Xây dựng Trung tâm hành chính thị xã Phú Mỹ	UBND TX Phú Mỹ				350.824			500			
82	Cải tạo mở rộng Trụ sở UBND xã Phước Thuận và UBND xã Hòa Hưng, huyện Xuyên Mộc	UBND H.Xuân Mộc				80.000			100			
83	Xây dựng Trung tâm hành chính huyện Côn Đảo	UBND H.Côn đảo			Diện tích khu đất xây dựng khoảng 2,74 ha	271.080			300			
84	Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH	Công an Tỉnh							200			



STT	Đanh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm DA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Luỹ kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
85	Trụ sở Công an thành phố Bà Rịa	Công an tỉnh				84.173			100			TBKL số 535/TB-UBND của UBND tỉnh thống nhất danh mục đầu tư
86	Nhà ở doanh trại công an huyện Châu Đức	Công an tỉnh				20.000			50			TBKL số 535/TB-UBND của UBND tỉnh thống nhất danh mục đầu tư
87	Trạm kiểm soát Biên phòng Phước Tỉnh	BCH Bộ đội Biên Phòng tỉnh			350m2 & HTKT	15.000			50			
88	Trụ sở Công an huyện Đất Đỏ	Công an tỉnh				48.445			50			TBKL số 535/TB-UBND của UBND tỉnh thống nhất danh mục đầu tư
89	Xây dựng, sửa chữa doanh trại tại Trung đoàn Minh Dạm	BCHQS tỉnh				90.000			100			
90	Trụ sở Ban CHQS thị xã Phú Mỹ	BCHQS tỉnh				45.000			50			Khảo sát hiện trạng. Công trình bị giải tỏa 1 phần làm đường 81, DT sân bị thu hẹp; sân nền thấp hơn mặt đường 81; việc mở rộng cần điều chỉnh QH chi tiết
91	Trạm kiểm soát Biên phòng Bình Châu (484) tại huyện Xuyên Mộc	BCH Bộ đội Biên Phòng tỉnh			350m2 & HTKT	15.000			50			

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm ĐA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL. còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
92	Xây dựng Doanh trại Đại đội pháo binh 40 tại xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc	BCHQS tỉnh				35.000			50			BCHQS đã được giao đất lâm trận địa. Đề nghị XD để chuyển vị trí đóng quân của ĐV từ trụ sở Ban CHQS huyện Xuyên Mộc về Phước Thuận
93	Nhà ở doanh trại công an huyện Xuyên Mộc	Công an tỉnh				20.000			50			TBKL số 535/TB-UBND của UBND tỉnh thống nhất danh mục đầu tư
94	Xây dựng chốt canh phòng (hòn bà , hòn tre, hòn tre nhỏ, hòn cau, hòn bảy anh, hòn em) huyện Côn Đảo	BCHQS tỉnh				70.000			100			Đề án Chi viện phòng thủ cho Côn Đảo
95	Nhà công vụ cán bộ chiến sỹ công an huyện Côn Đảo	Công an Tỉnh							100			
96	Xây dựng trụ sở Ban CHQS xã, phường, thị trấn (20 đơn vị)	BCHQS tỉnh				240.000			200			Đề án nâng cao năng lực tham mưu cho địa phương trong lĩnh vực quốc phòng QSDP
97	Trụ sở công an các xã trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Công an tỉnh				276.660			200			TBKL số 535/TB-UBND của UBND tỉnh thống nhất danh mục đầu tư



STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm DA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bố trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bố trí vốn khi có đủ thủ tục	
98	Đóng mới Boong toong phục vụ kiểm tra, kiểm soát an ninh trật tự trên cửa sông, cửa biển	BCH Bộ đội Biên Phòng tỉnh			số lượng: 02 chiếc	10.000			100			
99	Đồn biên phòng Bến Dã	BCH Bộ đội Biên Phòng tỉnh			1.500m2 & HTKT	30.000			100			
100	Trạm kiểm soát Biên phòng Bến Dâm	BCH Bộ đội Biên Phòng tỉnh			560m2 & HTKT	30.000			100			
101	Đóng mới tàu tuần tra, kiểm soát hoạt động khai thác hải sản, tái nguyên trái phép trên biển	BCH Bộ đội Biên Phòng tỉnh			số lượng: 01 chiếc Hoạt động trên địa bàn huyện Đất Đỏ, Xuyên Mộc và Côn Đảo	60.000			100			
102	Đóng mới tàu kéo phục vụ công tác phòng chống thiên tai, khắc phục sự cố cho tàu thuyền trên biển tỉnh Bà Rịa-Vũng tàu	BCH Bộ đội Biên Phòng tỉnh				32.183			100			
103	Đầu tư hạ tầng Trung tâm nghề cá tại Gò Găng, thành phố Vũng Tàu	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT				330.000			300			Văn bản số 7482/UBND-VP ngày 22/7/2020
104	Nâng cấp, mở rộng Cảng cá Tân Phước, xã Phước Tỉnh	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT			4,63 ha	362.227			300			- Bố trí CBĐT tại QĐ số 3456/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh,

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm ĐA	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó		
										Bổ trí vốn dự án có đủ thủ tục	Dự kiến bổ trí vốn khi có đủ thủ tục	
105	Hạ tầng kỹ thuật Trung tâm giống thủy sản tập trung Phước Hải	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT			112,65 ha	275.000			300			- Bổ trí CBĐT tại QĐ số 3456/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh.
106	Nhà Lồng Chợ Trung Tâm huyện Xuyên Mộc	UBND H.Xuyên Mộc			400 quầy sạp	200.000			200			CV 8448/UBND-VP ngày 23/8/2019 của UBND tỉnh
107	Khu khoa học công nghệ tại cầu Cò May phường 12 TPVT	Sở Khoa học và Công nghệ				370.000			400			
108	Thu gom, xử lý nước thải thành phố Vũng Tàu - giai đoạn 2	BQLDA Chuyên ngành DD và CN			22.000 m3/ng.đ	1.878.000			1.000			Chủ đầu tư đề xuất mới
109	Thu gom, xử lý nước thải khu vực Long sơn, Gò Găng TPVT	BQLDA Chuyên ngành DD và CN			13.200m3/ngày đêm	260.171			500			
110	Tăng cường năng lực Trung tâm quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh BRVT	Sở TNMT	B	54/NQ-HĐND- 18/7/2019	23 trạm quan trắc	352.669			100			



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Các đồ án quy hoạch

(Kèm theo Quyết định số: **198** /QĐ-UBND ngày **25** tháng **01** năm 2021 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đầu tư đến hết 2020	KL còn lại chuyển sang 2021	KH 2021- 2025	Ghi chú
	<u>TỔNG SỐ</u>					<u>112.000</u>	
A	<u>ĐA chuyển tiếp</u>					<u>3.830</u>	
1	QH phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu đô thị Tây Nam thành phố Bà Rịa	Sở Xây dựng	4.425	2.700	1.725	1.700	
2	QH 1/500 khu xử lý chất thải Tóc Tiên	Sở Xây dựng	1.330	896	434	430	
3	QH chất thải rắn tỉnh BR-VT đến năm 2020	Sở Xây dựng	1.343	1.162	181	180	
4	Nhiệm vụ QH chung khu vực ven biển thuộc các xã: Phước Thuận, Bông Trang, Bưng Riềng và Bình Châu huyện XM	Sở Xây dựng	3.041	1.619	1.422	1.410	
5	Xây dựng nhiệm vụ QH tỉnh BR-VT thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở KH và ĐT	876	766	110	110	
B	<u>ĐA mới</u>					<u>108.170</u>	
1	QH phân khu xây dựng 1/2000 Trung tâm logistics Cái Mép Hạ	Sở GTVT	12.578			12.390	
2	QH tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050		80.201			80.000	
3	QH 1/2000 vườn thú hoang dã Safari và khu du lịch nghỉ dưỡng Bình Châu	Sở Du lịch	2.392			2.390	
4	QH 1/2000 khu du lịch Lâm viên núi Dinh	Sở Du lịch	5.286			5.280	
5	QH phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu vực vùng biển Bãi Trước - Bãi Dâu tại TP Vũng Tàu	Sở Xây dựng	1.500			1.500	
6	Điều chỉnh QH phân khu tỷ lệ 1/2000 Núi Lớn - Núi Nhỏ	Sở Xây dựng	1.500			1.500	

7	Điều chỉnh cục bộ QH phân khu tỷ lệ 1/2000 Núi Lớn - Núi Nhỏ đối với khu vực Mũi Nghinh Phong và các khu vực lân cận tại Núi Lớn - Núi Nhỏ, TP Vũng Tàu	Sở Xây dựng	584			580	
8	Điều chỉnh cục bộ QH phân khu 1/2000 Khu DL Chí Linh - Cửa Lấp đối với khu đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ Ngân hàng Công thương VN	Sở Xây dựng	589			580	
9	Điều chỉnh QH phân khu xây dựng 1/2000 KCN Phú Mỹ 1	Cty ĐTKT HTKT KCN ĐX&PM1	1.612			1.600	
10	Điều chỉnh QH phân khu xây dựng 1/2000 KCN Đông Xuyên	Cty ĐTKT HTKT KCN ĐX&PM1	975			970	
11	QH chi tiết 1/5000 dự án Học viện bóng đá và khu nghỉ dưỡng tại xã Lộc An huyện Đất Đỏ	Sở VH-TT	1.382			1.380	

